13 CHUYỆN TIỀN THÂN (Jātaka) - Chương XIII - Mười Ba Kệ (Terasanipāta) - (474-483)

Kinh Tiểu Bộ - Tập 3 (VNC PHVN, 2021)

CHƯƠNG XIII MƯỜIBAKỆ (TERASANIPATA)

§474. CHUYỆN TRÁI XOÀI (Ambajatakd) ự. IV. 200) Trước kia, khi trẫm bảo chàng trai ... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Devadatta (Đề-bà- J đạt-đa). Đê-bà-đạt-đa không thừa nhận bậc Đạo sư của mình và bảo: Chính ta sẽ là bậc Chánh Đẳng Giác và Sa-môn Gotama không phải là bậc Đạo sư hướng dẫn của ta. Vì vậy, khi xuất định, ông gây chia rẽ trong Tăng chúng. Sau d6, dân dà ông tiến về Xá-vệ? ở bên ngoài tinh xá Kỳ Viên thì mật đất há miệng, ông rơi vào địa ngục Avĩci.1 Lúc ấy, tất cả Tăng chúng đều nói chuyện ấy tại pháp đường: Này các Hiền hữu, Đề-bà-đạt-đa đã xa rời bậc Đạo sư và bị hủy diệt khủng khiếp, đó là sinh vào một đời sống khác trong địa ngục Avĩci sâu thẳm. Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì, hội chúng thưa với Ngài. Ngài bảo: Không phải chỉ bây giờ mà cả ngày xưa cũng như nay, Đề-bà-đạt-đa đã xa rời bậc Đạo sư của mình và bị hủy diệt khủng khiếp. Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, cả gia đình của vị tế sư trong triều bị bệnh dịch hạch tiêu diệt, chỉ một người con trai duy nhất phá được tường nhà trốn thoát đi xa. Chàng đến Takkasilã và học tập đủ các kỹ năng nghệ thuật với một vị giáo sư tiếng tăm lừng lẫy khắp thiên hạ. Sau đó9 chàng từ giã sư phụ và ra đi với ý định chu du khăp nhiêu miên. Trên bước giang h6, chàng đến một làng ở biên địa? gần đó là một làng của giai cấp hèn hạ Chiên-đà-la (Candãĩă). Thời đó? Bồ-tát cư ngụ trong làng này và ngài là một bậc Hiền trí. Ngài biết một thần chú làm cho quả trên cây mọc rộ lên trong lúc trái mùa.

1 Avĩci, phiên âm là A-tỳ (),dịch nghĩa là Vô Gián ():Liên miên, không đứt đoạn. Ở đây chỉ cho địa ngục Vô Gián, người bỉ đọa ương địa ngục này chịu khổ hành hạ khốc liệt, triền miên, không ngơi nghi?

Một buôi sáng kia, ngài mang đòn gánh đi ra khỏi làng mãi đên tận cây xoài mọc trong rừng, khi đứng cách đó bảy bước, ngài đọc thần chú và rảy một bụm nước vào cây đó. Trong chớp mắt, lớp lá khô rụng hết5 lớp lá non mọc mầm, hoa nở rồi hoa tàn rụng, các trái xoài nhú ra. Song chỉ trong chốc lát chúng đã chín mọng, ngọt ngào thơm ngát, xoài lớn nhanh như loại trái thần rồi rụng xuống đất. Bậc Đại sĩ chọn ăn tùy thích rồi chất đầy hai giỏ trên đòn gánh, đem trái đi bán và kiếm tiền nuôi vợ con. Lúc bấy giờ, một chàng trai Bà-la-môn thấy bậc Đại sĩ bán xoài chín trái mùa. Chàng suy nghĩ: "Chắc hẳn phải nhờ công năng của một loại thần chú nào đó xoài ấy mới mọc được. Người này có thể dạy ta một thần chú vô giá?9 Chàng rình ngắm kỹ cách thức bậc Đại sĩ hóa phép ra các thứ xoài của ngài và phát hiện việc này một cách chính xác. Sau đó, chàng đi đến nhà bậc Đại sĩ lúc ngài chưa trở về từ khu rừng ấy, rồi làm như thể chưa biết gì cả, chàng hỏi người vợ của bậc Đại sĩ: -Đại sư đâu rồi? Bà đáp: Đã vào rừng. Chàng đợi cho đến khi ngài về liền tiến tới phía ngoài, đỡ lấy đòn gánh và đôi thúng từ vai

ngài, đem hết đồ đạc vào nhà và đặt ở đó. Bậc Đại sĩ nhìn chàng trai rồi bảo vợ: Này hiền thê, chàng trai này đến đây để được dạy thần chú? song chẳng có thần chú nào ở lâu với gã ấy cả vì gã là người không tốt đâu. Còn chàng trai nghĩ thầm: "Ta sẽ học được thần chú bằng cách làm tôi tớ cho thầy ta." Thế là từ đó chàng làm mọi công việc trong nhà như gánh củi, giã gạo, nấu nướng, mang đến thầy đủ các thứ cần thiết để rửa mặt rửa chân. Một ngày kia, bậc Đại sĩ bảo chàng: -Này con, đem cho ta một cái ghê đâu đê gác chân. Chàng ta chẳng còn cách nào khác liền để hai chân của bậc Đại sĩ lên đùi mình suốt đêm. Sau đó, bà vợ của ngài sinh hạ một con trai, chàng lại làm đủ mọi việc phục dịch trong thời kỳ bà ấy sinh sản. Một ngày nọ, bà vợ bảo bậc Đại sĩ: Này phu quân, chàng trai dù là ở giai cấp quý tộc lại hạ mình làm mọi việc tôi đòi, phục dịch cho nhà ta chỉ vì muốn có được thần chú. Vậy phu quân hãy dạy thần chú cho cậu ấy di, dù thần chú có chịu ở với cậu ấy hay không. Ngài đông ý việc đó liên dạy thân chú cho chàng trai và bảo thê này: -Con ạ5 đây là thần chú vô giá, con nhờ nó sẽ được vinh quang phú quý tột bực. Nhimg hễ khi nào đức vua hoặc vị đại thần của ngài có hỏi ai là thầy dạy con thì con đừng giấu tên ta, vì nếu con hổ thẹn về chuyện người dạy con câu thần chú là một người hạ đẳng và con bảo rằng thầy dạy con là một

vị Bà-la-môn quyền cao chức trọng thì con sẽ chẳng được kết quả gì do thần chú đem đến cả đâu. Tại sao con lại phải giấu tên của sư phụ kia chứ? Khi nào con được ai hỏi thì con sẽ nói chính sư phụ đây. Sau đó5 chàng kính lễ thầy rồi từ giã thôn làng hạ đẳng kia, chàng vừa ra đi vừa suy nghĩ mãi về thần chú ấy, kịp lúc đến Ba-la-nại. Tại đó, chàng bán xoài và thu được nhiều tiền bạc. Bây giờ9 một ngày kia, người giữ vườn ngự uyên dâng vua một trái xoài gã mới mua từ chàng trai ấy. Sau khi ăn xoài, vua hỏi gã kiếm được ở đâu ra trói xoài ngon ngọt như thế. Gã đáp: Tâu Chúa thượng, có một chàng trai mang xoài trái mùa tới bản. Tiểu thần đã mua được từ chàng ấy. Vua bảo: Hãy dặn cậu ta từ nay mang xoài đến đây cho trẫm! Người ấy làm y lời dặn9 từ đó chàng đem xoài đến cung vua. Vua mời chàng đến phục vụ ngài, từ đó chàng trở thành bề tôi phục dịch vua, được hưởng đại phú quý, dần dần chàng được vua rất tin cậy. Một ngày nọ vua hỏi chàng: -Này thiếu sinh, khanh kiếm ra xoài trái mùa này ở đâu mà ngon ngọt, thơm ngạt ngào và màu sắc tươi đẹp thế? Có phải một vị long vương, Kim Sí điểu hay thần linh nào đó ban thưởng cho khanh, hoặc đây là phép tiên chăng? Chàng trai đáp: -Tâu Đại vương, chẳng ai cho tiểu sinh cả, song tiểu sinh có một thần chú VÔ giá và đây là thân lực của chú ây. Được, thế khanh có định biểu diễn cho trẫm xem thần lực của chú này một ngày nào đó chăng? Chàng đáp: Tâu Chúa thượng, tiểu sinh xin sẵn sàng thực hiện điều đó hầu Chúa thượng. Hôm sau, vua cùng chàng ta vào vườn ngự uyên và ngài phán bảo chàng hãy biểu diễn thần chú. Chàng trai vâng dạ và đi đến gần cây xoài, đứng cách chừng bảy bước, đọc thân chú và rảy nước vào cây. Trong chôc lát, cây xoài sinh trái như cách đã tả trên đây. Một mớ xoài rụng xuống ào ào như cơn bão, những người xem vô cùng thích thú, vung vây khăn đê hoan nghênh. Còn vua dùng xoài xong, thưởng công chàng hậu hĩ rồi bảo: Này thiêu sinh, ai đã dạy khanh thân chú kỳ diệu này? Bấy giờ, chàng nghĩ thầm: "Nếu ta bảo một kẻ Chiên-đà-la hạ đẳng đã dạy ta thì ta sẽ bị làm nhục? hội chúng sẽ chế giễu khinh thị ta. Nay ta đã

thuộc lòng thần chú này, ta không bao giờ có thể mất nó. Được rồi, ta sẽ nói đó là một giáo sư lẫy lừng thiên h@." Vì thế, chàng nói dối và bảo:

-Tiểu thần đã học được tại Takkasilă từ một danh sư lẫy lừng thiên hạ. Khi chàng nói những lời phủ nhận thầy dạy mình như thế, lập tức thần chú biến mất. Còn vua rất hoan hỷ cùng chàng trở về kinh thành. Một ngày kia, vua muôn ăn xoài liên đi vào ngự uyên ngôi trên ghê đá nơi thường dùng vào những dịp quốc lễ, ngài ra lệnh chàng trai đem xoài dâng ngài. Chàng trai tuân lệnh đi đến cây xoài, đứng xa bảy bước bắt đầu đọc thần chú? song thần chú không công hiệu. Lúc ấy, chàng biết mình đã mất thần chú nên đứng im đầy hổ thẹn. Còn vua suy nghĩ: "Trước kia chàng này đã dâng xoài ào ào như mưa dông ngay giữa đám đông người, nay chàng đứng như trời trồng, VÌ nguyên cớ nào dây?" Vì thê, ngài ngâm vân kệ đâu hỏi chuyện ây: 1. Trước kia, khi trẫm bảo chàng trai, Lớn nhỏ chàng đem đủ loại xoài, Nay trái trên cây không xuất hiện, Dù chàng vẫn đọc chú kia hoài. Khi nghe vậy, chàng trai nghĩ thầm rằng nếu chàng bảo hôm nay trái cây không thể có được thì vua sẽ tức giận. Vì thế, chàng nghĩ cách nói dối để lừa Jy y

vua liên ngâm vân kệ thứ hai:
2. Thời gian không hợp, đợi khi nào,
Kết hợp hành tinh giữa cõi cao,
Gặp gỡ đúng thời, giây phút đến,
Sẽ dâng xoài chín thật dồi dào!
“cai gì thế này?” Vua tự hỏi; uChàng trai này tnrớc kia chẳng hề nói chuyện hành tinh gặp gỡ gì c&." Ngài liền ngâm vần kệ để điều tra vấn đề này:
3 Bữa trước chàng không nói lúc nào,
Hay mùa gặp gỡ các vì sao,
Song xoài thơm ngát, ngon thanh vị,
Màu đẹp? chàng dâng trẫm biết bao.
4. Buổi nọ chàng phô diễn trái cây,
Nhờ câu thần chú thật tài thay,
Nay không làm được, dù chàng dqc,
Trẫm muốn hỏi chàng ý nghĩa đây?
Nghe thế chàng trai suy nghĩ: "Không nên lừa phỉnh vua bằng lời dối trá.
Nếu như khi ta nói sự thật mà ngài trừng phạt ta thì cứ để ngài trừng phạt, song ta phải nói sự thật này.,, Rồi chàng ngâm hai vần kệ:
5. Một người hạ đẳng chính là thầy,
Dạy đúng chú thần hữu hiệu dây,
Bảo: í4Được hỏi tên thầy, chủng tộc,
Con đừng giấu, kẻo chú thần bay!"
CHUYỆN TIỀN THÂN 163

6. Thần được hỏi thăm bởi Đại vương, Dù thần đã biết thật tinh tường, vẫn mong lừa phỉnh, thần khai dối: "Thần chú kia là của đạo lýiân.” Thần nói dối, nay đành mất chú, Đăng cay lòng tiêc việc si cuông. Nghe chàng nói điều này, vua tự nhủ: 6íKẻ độc ác này không biết giữ gìn một kho báu vĩ đại dường ấy! Khi người ta có báu vật vô giá thì nguồn gốc gia tộc có liên quan gì đên báu vật đó đâu.55 Trong cơn thịnh nộ, ngài ngâm các vân kệ sau: 7 Cây nimba, hông phượng hoặc thâu dâu, Bất cứ loại cay gỗ thế nào, Nơi đó thấy tầng ong mật ngọt, Người xem cây ây tôt hàng đâu. 8. Dù là đạo sĩ, Khattiya, Vessa, Sudda, Candãla, Pukkusa, người ta học tập? Thảy đều tối thượng với đời ta. r 9. Trừng phạt oăt con tệ bạc này, Hoặc lôi cổ nó giết đi ngay, Kho tàng đã được bao công khó, Lại vứt vì tâm ngã mạn đây! Quân sĩ của vua theo lời, bảo: Hãy trở lại thầy dạy anh và xin ngài tha thứ, rồi nếu anh học được thần chú lần nữa thì hãy về đây, còn nếu không thì đừng bao giờ hòng để mắt đến xứ này nữa! Nói thế xong, họ đuổi chàng đi. Chàng trai hoàn toàn bơ vơ lạc lõng. Chàng nghĩ thầm: có nơi nào cho ta nương tựa trừ thầy ta ra. Ta quyết trở ve với thây ta, xin thây tha tội cho, rôi xin học lại thần chii." Vậy là chàng vừa than khóc vừa tiến về phía làng ấy. Bậc Đại sĩ thấy chàng đến liền chỉ cho vợ và bảo bà: Này hiền thê? hãy nhìn gã kia trở lại nhưng thần chú đã biến mất rồi! Chàng đến gần bậc Đại si, kính lễ ngài và ngồi xuống một bên. Ngài hỏi: -Tại sao con đến đây? Chàng đáp: Thưa sư phụ, con đã nói dối, chối bỏ về vị sư phụ của mình nên nay con hoàn toàn tiêu tan sự nghiệp. Sau đó, chàng kể lại lỗi lầm của mình trong một bài kệ và xin thần chú lần nữa:

10. Kẻ nào nghĩ mặt đất san bằng,
Đang trải dài ra dưới gót chân,
Liền ngã vào hang, hồ5 vực thẳm,
Bãi lầy cây ngã mục hư thân,
Vật giống sợi dây, kẻ giẫm lên,
Hóa ra con rắn sắc đen huyền,
Kẻ kia sa căng vào trong lửa,
Vì măt mù không thê xét xem.
Con phạm tội nên mất chú thần,
Nhưng còn sư phụ? bậc Hiền nhân,
Xin thầy tha thứ cho lần nữa,
Nhìn tận mắt thầy, hưởng đặc ân!
Nhưng sư phụ chàng đáp:
 Sao, con bảo gì vậy? Chỉ cần ra dấu cho kẻ mù lòa là nó tránh được ao hồ đủ thứ rồi, còn ta đây đã dạy thần chú cho con một lần, con lại muốn gì nữa đây chứ?
Rồi ngài ngâm các vần kệ sau:
11. Đúng cách ta từng dạy bảo ngươi,
Chú kia ngươi học đúng theo thời,
Ta đà giảng đủ phần tinh túy,

Ngươi khéo làm hay, chú chẳng rời.
12. Ai đầy cực nhọc, hỡi ngu nhân,
Học chú thần gian khổ? khó khăn,
Đối với loài người trên hạ giới,
Rồi khi kẻ ngốc đã làm ăn,
Cuối cùng nó lại đem quăng bỏ5
Cũng chỉ vì môm nói dôi gian.
13. Với kẻ ngu si muốn dối gian,
Người không tự chế, kẻ vong ân,
Cút ngay, đừng hỏi gì ta nữa,
Ta chẳng còn cho nó chú thần!
Bị thây dạy đuôi như vậy, chàng trai nghĩ thâm: "Đời còn có nghĩa lý gì với ta nữa!,, Rồi chàng vào rừng sâu và chết bơ vơ một mình ở đó.
***

Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư bảo:

Không phải chỉ bây giờ, này các Tỷ-kheo, Đề-bà-đạt-đa mới chối bỏ vị thầy dạy của mình và phải chịu tiêu diệt thảm khốc.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

CHUYỆN TIỀN THÂN 165

Thời ấy, Đề-bà-đạt-đa là kẻ vong ân bội nghĩa kia, A-nan là vua và Ta chính là người Chiên-đà-la hạ đẳng.

§475. CHUYỆN CÂY HỒNG PHƯỢNG vĩ (Phandanaịãtaka) ự. IV. 207) Người đứng cầm rìu ở dưới tay... Chuyện này bậc Đạo sư kể trên bờ sông Rohinĩ về một việc tranh chấp, cãi cọ trong thân tộc. Hoàn cảnh câu chuyện này sẽ được mô tả đầy đủ trong Chuyện chim chúa Kunãlaĩ Vào dịp này, bậc Đạo sư gọi những người thân tộc đến và kể rằng: *** Thuở xưa, khi Vua Brahmadatta ưị vì Ba-la-nại, bên ngoài kinh thành là một làng thợ mộc. Trong làng có một người Bà-la-môn làm nghê kiêm sông băng cách mang gô từ rừng vê đóng xe kéo. Vào thời ấy, có một cây hồng phượng vĩ đại thọ ở vùng Tuyết Sơn. Một con hắc sư tử thường đến nằm dưới gốc cây ấy săn mồi. Một ngày kia, gió đánh mạnh vào cây khiến một cành cây khô rơi xuống trúng vai sư tử, đập mạnh vào khiến cho nó đau đớn vùng lên chạy trốn vì sợ hãi5 sau đó? nó quay lui nhìn con đường vừa mới chạy qua, khi chẳng thấy có gì cả, nó suy nghĩ: "Chẳng có sư tử, cọp, beo hay con gì nữa đuổi theo ta ở dây, ta chắc rằng vị thân cây không chịu cho ta năm ở đó. Ta muôn xem có đúng vậy kh6ng?" Suy nghĩ thế nó liền giận dữ thật vô lý, vừa đánh vào cây vừa thét lên: ? 7 Ta chăng ăn một ngọn lá nào bẻ trên cây của ông cũng chăng bẻ gãy cành nào, thế sao ông chịu cho các loài vật khác ở đây mà ông không chịu cho ta ở? Ta có làm gì sai trái dâu, cứ đợi vài ngày nữa ta sẽ phá nát gôc rê, cành lá của ông, ta sẽ làm ông tan tác từng mảnh! Sư tử mắng rủa vị thần cây như vậy, rồi bỏ đi tìm một người. Lúc ấy, người thợ mộc Bà-la-môn nói trên cùng với hai, ba người khác đã dùng xe đi đến vùng lân cận ấy để kiếm gỗ đóng xe. Gã để chiếc xe một nơi rồi cầm búa

rìu trong tay đi tìm cây gỗ? gã chợt đến gần cây hồng phượng vĩ. Con sư tử thấy gã liền đi đến đứng dưới gốc cây vì nó nghĩ thầm: "H6m nay ta phải trừ khử kẻ thù của ta mới được?9 Người kia thấy nó và vội chạy ướn ra khỏi rừng cây đó. Sư tử nghĩ thâm: "Ta phải nói chuyện với kẻ đó trước khi nó chạy đi mất.„ Rồi nó ngâm vần kệ đầu: 14. Người đứng cầm rìu ở dưới tay, Đi lui, đi tới chốn rừng này, Mau lên nói rõ cho ta biêt, Ong muôn cây gì ở chôn đây?

2 Xem J. V. 413, Kunalajataka (Chuyện chim chúa Kunãla), số §536.

Khi nghe lời ấy, người kia nghĩ: "0 kia, thật là kỳ diệu! Ta chưa bao giờ nghe thấy súc vật nói được tiếng người. Chắc chắn nó sẽ biết rõ loài cây nào có gỗ tốt để đóng xe. Ta muốn hỏi n6." Rồi gã liền ngâm vần kệ thứ hai: 15. Trên đồi, dưới vực, khắp đồng bằng, Làm chúa, ngài đi khắp núi rừng, Nói thật cho nghe, ta muốn hỏi, Cây gì tốt để bánh xe lăn? Sư tử nghe vậy, nghĩ thầm: uBây giờ ta đã được toại nguyện r3i!" Nó liền ngâm vần kệ thứ ba: 16. Chẳng keo, tai ngựa, chẳng chiên-đàn, Chẳng bụi cây nào tốt gỗ hơn, Cây ấy, phượng hồng như vẫy gQÌ, Làm xe gỗ tốt nhất trần gian. Kẻ kia nghe vậy rất hài lòng, nghĩ thầm: “That là một ngày tốt lành đưa ta vào rừng. Đây là một vị nào mang lốt thú vật chỉ bảo cho ta cây gỗ tốt để ta làm bánh xe. Kỳ lạ that, song lại tuyệt quá!” Vì vậy, gã hỏi sư tử qua vần kệ thứ tư: 17. Cành lá cây kia kiểu thế nào, Thân cây trông thấy, loại ra sao, Mong ngài nói thật, ta xin hỏi, Để biết loài cây ấy ở đâu? Sư tử ngâm hai vần kệ đáp lời: 18. Này cây cành rũ thấy là đà, Cong xuống song không gãy trước giờ, Cây hồng phượng vĩ này đấy bạn, Gốc cây thường đứng nhà của ta. 19. Để làm vành trục hoặc khung càn, Đôi bánh, hay bât cứ mọi phân, Cây giống như vầy đều ích lọi, Cho người khi đóng chiếc xe lăn. Sau khi tuyên bố như vậy, sư tử đứng xích ra một bên, lòng mừng khấp khởi. Con người thợ mộc bắt đầu đẵn cây. Lúc ấy, vị thần cây nghĩ thầm: "Ta không hề làm rớt cành nào trên con thú kia mà nó lại nổi cơn thịnh nộ thật phi thời, bây giờ nó lại đang muôn phá nhà của ta và ta cũng sẽ bị hủy diệt nữa. Vậy ta phải tìm cách đập tan oai lực của Ĩ16." Vì thế, vị thần này giả dạng tiều phu, đến gần gã thợ mộc kia bảo: -Này người kia, anh kiếm được cây này đẹp quá! Thế anh định làm gì khi chặt nó đây? Làm bánh xe. —Sao, có kẻ nào bảo anh là cây ấy làm bánh xe tốt lắm ư?

Đúng thê, một con hăc sư tử. -Tốt lắm, hắc sư tử khéo nói lắm. Song, này ta bảo anh là lột được da cổ sư tử màu đen rồi phủ lên quanh vành ngoài của bánh xe như một tấm chắn bằng sắt, chỉ một mảnh rộng chừng bốn lóng tay thôi thì bánh xe vững vàng lắm, anh sẽ hưởng lợi rất lớn nhờ đó. Nhưng làm sao ta kiếm được da sư tử bây giờ? Thần cây nổi cơn thịnh nộ: Sao anh ngu thế? Cây này đứng trong rừng, nó chạy đi đâu được. Anh cứ đi tìm sư tử kia đã chỉ bảo cho anh cây này và hỏi nó xem phải chặt phần cây nào, rồi đem nó về đây. Sau đó, nó chẳng nghi ngờ gì cả và chỉ nơi này nơi nọ? cứ chờ lúc nó nhe hàm răng ra thì lây chiêc rìu bén nhât đập nó trong khi nó đang nói, giết nó đi mà lột da ra, ăn phần thịt ngon nhất rồi hãy chặt cây tùy thích. *** Để giải

thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau: 20. Cây kia lập tức bảo như vầy, Ý nguyện ước ao được tỏ bày, “Ta cũng có điều này muốn nói, Này Bhãradvậja hỡi, hãy nghe đây! 21. Từ bên vai chúa tể khu rừng, Anh hãy cắt ra rộng bốn phan, Bao phủ da quanh vành gỗ ấy, Rồi xe sẽ mạnh gấp đôi lần." 22. Cây kia phút chốc nổi lôi đình, Trút xuông loài sư tử đã sinh, Cả với loài chưa xuất hiện nữa, Gây ra tàn sát khiến hồn kinh. Người thợ làm xe nghe theo lời chỉ dân của thân cây, kêu to: Oi, hôm nay thật là một ngày may măn cho ta! Rôi gã đi giêt sư tử, chặt cây xuông và đi vê. Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau: 23 Cây phượng vĩ tranh đấu chúa rừng, Chúa rừng tranh đấu với cây thần, Mỗi bên tranh chấp nhau như vậy, Đem lại bên kia họa tử vong. 24. Vậy giữa người, nơi có hận hiêm9 Hoặc là cãi cọ nổi hăng lên, Khác nào thú dữ và cây gỗ, Chúng nhảy như loài công múa men.

25. Đây này ta bảo5 chính điều lành,
Là lúc các ông thuận ý tình,
Hãy giữ đồng tâm đừng cãi vã,
Như cây và thú đã thi hành.
26. Nên tập bình an với mọi người,
Điều này bậc Trí tán dương hoài,
Ai mong an ổn và chân chánh,
Tối hậu bình an sẽ đạt thôi.
Khi nhóm người ấy nghe lời khuyến giáo của vị vua tộc Thích-ca, họ liền giải hòa với nhau.
***
Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:
-Vào thời ây, Ta là vị thân sông trong rừng kia và đã chứng kiên toàn bộ câu chuyện này.
§476. CHUYỆN THIÊN NGA CHÚA THẦN TỐC (Javanahamsajatakd) ụ. IV. 211) Chúa thiên ngaf đến đậu nơi dây... Chuyện này do bậc Đạo sư kể tại Kỳ Viên về Kỉnh Thỉ dụ các lực sĩ hay Kỉnh Vua DaỊhadhamma (Dalhadhammasuttantd)} Đức Thế Tôn dạy:
-Này các Tỷ-kheo, giả sử có bôn thiện xạ đứng ở bôn hướng, là người khéo huân luyện, rât tài giỏi, thiện xảo nghê cung tên; rôi có một người đên bảo: "Ta sẽ bắt lấy các mũi tên được bắn ra từ bốn thiện xạ đứng ở bốn hướng, là những người khéo huânr luyện, rât tài giỏi, thiện xảo nghê cung \ tên \ 5 trước khi các mũi tên này chạm đất, và mang lại day?9 Phải chăng rõ ràng các ông đêu đông ý răng kẻ đó là một người rât nhanh nhẹn và chính là hiện thân của tôc lực tuyệt vời? Nhxmg này các Tỷ-kheo, dù tốc lực của người kia nhanh đến đâu đi nữa, dù cho thần kỳ như tốc lực của mặt trăng, mặt trời, cũng còn cái khác nhanh hơn. Này các Tỷ-kheo9 Ta bảo tốc lực của người kia dù cho thần kỳ đến đâu đi nữa, dù nhiều vị thiên bay nhanh hơn cả mặt trăng, mặt trời, vẫn còn có cái khác nhanh hơn chư thiên ấy nữa. Này các Tỷ-kheo, tốc lực của người kia thần diệu là dường ấy... (như trên). Tuy thế, còn nhanh hơn cả chư thiên biết bay là sự biến hoại của tứ đại hợp thành sự sống. Do vậy9 này các Tỷ-kheo, các ông phải học

tập điêu này, phải tinh cân. Thật vậy, Ta bảo các ông phải học tập điêu này! Hai ngày sau lời giáo huân này, Tăng chúng bàn luận chuyện đó trong pháp đường:

3 XemJ. III. 384, DaḶhadhammajãtaka {Chuyện Vua DaḶhadhammà), số §409.

Này các Hiền hữu Tỷ«kheo? bậc Đạo sư trong địa vị tối thượng của một bậc Chánh Đẳng Giác đã chứng minh bản chất của những gì tác hợp nên sự sống, chỉ rõ đời sống thật là giả tạm và yếu ớt m6ng manh khiến cho Tăng chúng lẫn người ngoại đạo phải hết sức kinh hoàng. Oi, thần diệu thay uy lực của đưc Phạt! Bậc Đạo sư bước vào, hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài. Ngài bảo: Này các Tỷ-kheo, nay Ta đạt trí tuệ viên mãn mà dùng lời khuyến giáo để báo trước cho Tăng chúng thây rõ tứ đại thật là giả tạm thì cũng chăng kỳ diệu gì. Ngay cả khi Ta hóa sinh thành một chim thiên nga, Ta cũng đã chứng tỏ tính cách giả tạm của tứ đại trong đời sống và bằng giáo pháp của Ta, đã gây kinh hoàng cho cả triều đình một vị vua cùng với chín vị vua ở Ba-la-nại nữa. Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thời? khi Vua Brahmadatta lên ngôi ở Ba-la-nại, Bô-tát được sinh làm một chim thiên nga chúa có thân tôc, sông ở đỉnh Cittakũta, dân đâu một đoàn gồm chín mươi ngàn chim thiên nga khác. Một ngày kia, sau khi cùng cả đoàn đi ăn lúa mọc hoang trong cái hồ ở vùng đồng bằng ở xứ Diêm-phù-đề, ngài bay qua không gian như thể một tấm thảm vàng óng ánh trải dài từ đầu nọ đến đầu kia của kinh thành Ba-la-nại và lượn chầm chậm như đùa chơi về phía đỉnh Cittakũta. Lúc bấy giờ, vua xứ Ba-la-nại trông thấy ngài liền bảo các triều thần: Con chim đằng kia ắt hẳn là chim chúa như trẫm đây. Vua sinh lòng yêu mến chim chúa nên đã đem vòng hoa, hương liệu và dầu thơm đi tìm Bồ-tát và bảo trình diễn đủ loại âm nhạc cho ngài nghe. Khi Bồ-tát thấy vua tôn vinh ngài như vậy, ngài hỏi các chim thiên nga kia: Khi một ông vua muôn tôn vinh ta như vậy, vua ây muôn gì chăng? Tâu Chúa thượng, ngài muốn bầu bạn với Chúa thượng. Được rôi, thê thì ta bâu bạn với vua ây. Ngài bảo như vậy và ngài làm bạn với vua, rồi sau đó bay về tổ. Một ngày kia, sau việc kết bạn này, vua vào ngự uyển và đi đến hồ Anotatta, chim chúa bay đến gần vua với một cánh mang dầy nước và cánh kia mang bột gỗ chiên-đàn, chim rảy nước lên mình vua và răc bột gỗ chiên- đàn cho vua nữa. Trong lúc hội chúng đang nhìn theo, ngài lại cùnẹ với đàn chim bay vê đỉnh Cittakũta. Từ lúc ây vê sau, vua cứ mong ngóng Bô-tát mãi, ngài thường nấn ná chờ đợi vừa nhìn con đường Bồ-tát đến và nghĩ thầm: uHôm nay thân hữu ta sẽ đền?5 Lúc bấy giờ, hai con thiên nga non trẻ nhất trong đàn của Bồ-tát quyết định thi đua với mặt trời, vì vậy chúng xin phép Bồ-tát thử sức bay qua với mặt trời. Ngài bảo:

Này các chú, tốc lực mặt trời rất thần kỳ, các chú không bao giờ có thể thi đua với mặt trời đâu. Các chú sẽ chết tiêu tan trong cuộc thi tài ấy. Vậy các chú đừng đi! Lần thứ hai chúng xin phép, rồi lần thứ ba, song Bồ-tát phản đối chúng đến lần thứ ba chúng xin. Tuy nhiên, chúng vẫn khăng khăng giữ ý định đó? không tự lượng sức mình, rồi cương quyết bay đua với mặt ười mà không tâu trình với chim chúa. Vì thế, trước lúc rạng

đông, chúng đã đậu trên đỉnh núi Yugandhara, một trong bảy rặng núi lớn quanh núi Sineru (Tu-di). Bồ-tát thấy vắng chúng liền hỏi chúng đi đâu. Khi ngài nghe những việc xảy ra, ngài nghĩ thầm: uChúng sẽ chẳng bao giờ đủ sức bay đua với mặt trời và chúng sẽ bị tiêu diệt trong cuộc so tài ây. Ta phải cứu mạng chúng mới được?9 Vì vậy? ngài bay đến đỉnh núi Yugandhara và đậu bên cạnh chúng. Khi vầng nhật xuất hiện trên đường chân trời, đôi tiểu thiên nga vùng lên lao tới đằng trước theo y mặt trời5 Bô-tát cũng bay theo chúng. Con chim bé nhât bay tới trước giờ ngọ thì ngất xỉu. Bên trong khớp xương đôi cánh nó cảm thấy như thể đang bị lửa đốt. Rồi nó ra hiệu cho Bồ-tát: Thưa đại huynh, tiểu đệ không tiếp tục được nữa. Bồ-tát bảo: Đừng sợ? ta sẽ cứu chú. Rồi mang nó trên đôi cánh dang rộng của mình, ngài an ủi nó, đưa nó về đỉnh Cittakũta, đặt nó xuông giữa đàn thiên nga, sau đó ngài lại bay đi băt kịp mặt trời đến bên cạnh chim kia. Con chim ấy bay đua với mặt trời cho đến gần đúng ngọ thì ngât ngư và thây như thê lửa đang thiêu đôt trong khớp xương ở đôi cánh của nó. Nó vừa làm dấu cho Bồ-tát vừa kêu lên: Thưa đại huynh, tiểu đệ không thể tiếp tục được nữa. Ngài cũng an ủi nó như trên, rồi mang nó trên đôi cánh dang rộng của mình, ngài đưa nó về đỉnh Cittakũta. Vào lúc ấy mặt trời đang ở trên đỉnh đầu. Bồ-tát suy nghĩ: "Hôm nay ta sẽ thử xem uy lực của mặt trời ra sao." Thế là chỉ cần phóng lui một vòng, ngài đã đậu trên đỉnh Yugandhara. Sau đó, vừa tung cánh lên là ngài bắt kịp mặt trời, ngài bay đi? lúc tiến về phía trước, lúc lùi lại phía sau. Ngài nghĩ thầm: í4Đối với ta thì chuyện bay đua với mặt trời thật là vô ích, chỉ do trí ngu si mà ra cả, nó có nghĩa lý gì đôi với ta đâu. Ta muôn bay đên Ba-la-nại, nói cho thân hữu của ta là vua ây một lời khuyên giáo vê công bình và chân chánh." Rồi quay lại trước khi mặt trời dần đi xuống giữa không gian, ngài bay qua toàn cõi thế giới từ đầu chí cuối xong, ngài giảm dần tốc lực, bay từ đầu nọ đến đầu kia toàn xứ Diêm-phù-đề, cuối cùng đến thành Ba-la-nại. Cả kinh thành e 9 A 7 5 * này với chu vi chừng mười hai do-tuân như thê đang năm dưới bóng chim chúa, không có một khe hở nào lộ ra; rôi tôc lực giảm dân, những lô trông, kẽ hở lại

xuất hiện trên bầu trời. Bồ-tát bay chầm chậm rồi đáp xuống từ không trung, hạ cánh trước song cửa. Vua vui mừng reo lớn: Thân hữu của ta đang đến kìa! Rồi đặt chiếc bảo tòa bằng vàng cho chim đậu, vua phán: Xin Hiền hữu vào dây, an tọa tại nơi này. Và ngài ngâm vần kệ đầu: 27. Chúa thiên nga, đến đậu nơi đây, Lòng trẫm thiết tha diện kiến ngài, Hãy chọn thứ gì ngài thấy được, Nay ngài là chúa tể nơi này. Bồ-tát đậu trên bảo tòa bằng vàng. Vua thoa vào dưới đôi cánh của nệài những loại dầu thơm đã lọc sạch cả trăm lần hay còn hơn thế nữa, cả ngàn lần, ban cho ngài thứ gạo mêm mại và nước đường trong cái đĩa băng vàng, rôi nói chuyện với ngài bằng giọng ngọt ngào như mật: Này Hiền hữu, ngài đến đây một mình, vậy ngài từ đâu lại? Chim chúa kể hết mọi việc. Sau đó vua bảo ngài: -Này Hiền hữu, xin ngài lần nữa biểu diễn tốc lực của ngài so với mặt trời kia. Thưa Đại vương, tốc lực ấy không thể phô diễn được. Vậy xin ngài biểu diễn một việc tương tự như thế. Được lăm, thưa Đại vương, ta sẽ biêu diên một việc tương tự như vậy. Xin triệu tập các xạ thủ bắn nhanh như chớp lại đây! Vua liền ra lệnh triệu tập họ. Bồ-tát lựa bốn người rồi cùng họ từ cung điện đến

sân chầu. Nơi đó9 ngài bảo dựng một trụ đá và buộc vào cổ ngài một cái chuông nhỏ. Sau đó5 ngài đậu trên đỉnh trụ đá, đặt bốn xạ thủ quay lưng từ trụ đá hướng ra bốn phía, bảo: Thưa Đại vương, xin ra lệnh cho bốn xạ thủ bắn ra cùng một lúc bốn mũi tên vê bôn hướng và ta sẽ chụp lây bôn mũi tên ây trước khi chúng chạm mặt đất rồi đặt xuống chân các xạ thủ. Đại vương sẽ biết khi nào ta đi nhặt các mũi tên nhờ tiếng chuông reng reng, song Đại vương chẳng trông thấy được ta đâu. Sau đó9 đông loạt các xạ thủ băn bôn mũi tên ra, ngài liên chụp lây chúng và đặt dưới chân toán xạ thủ kia, còn mọi người thấy ngài đang đậu trên trụ đá. Thưa Đại vương, ngài đã thấy tốc lực của ta chăng? Rồi ngài nói tiếp: Thưa Đại vương, tốc lực ấy không phải là tốc lực bậc nhất của ta đâu, cũng không phải là tôc lực bậc trung mà là tôc lực kém nhât trong các tôc lực thấp kém. Thế mà nó đã chứng tỏ cho Đại vương thấy ta nhanh nhẹn đến mức độ nào.

172 KINH TIỂU Bộ

Sau đó, vua hỏi ngài: Này Hiền hữu, thế có tốc lực nào nhanh hơn tốc lực của ngài chăng? Thưa Hiền hữu, có chứ. Nhanh hơn tốc lực của ta đến trăm lần, à không, cả ngàn lân, là sự biên hoại của tứ đại trong đời sông của loài hữu tình. Chúng tan rã như vậy đó9 chúng bị tiêu diệt như vậy đó. Bằng cách ấy, ngài đã làm sáng tỏ cách thế giới hữu hình hoại vong như thế nào, bị hủy diệt như thế nào trong từng giây, từng phút. Khi nghe nói vậy, vua sợ chết, không còn giữ bình tĩnh được nữa mà ngất xỉu đi. Cả hội chúng kinh hoàng, rảy nước vào mặt vua khiến ngài hồi tỉnh. Sau đó, Bồ-tát nói với vua: Thưa Đại vương, chớ sợ hãi, nhưng hãy nhớ đến thần chết! Hãy tiến lên trong đường công chính, bố thí và làm thiện SỊT, phải cố gắng tinh cần! Lúc ấy, vua đáp lại: Thưa ngài, nếu không có một Đạo sư Hiền trí như ngài, trẫm không thể nào sông được, vậy xin ngài đừng trở vê đỉnh Cittakũta mà hãy ở lại đây dạy bảo trẫm. Xin hãy làm đạo sư để giáo hóa trẫm! Rồi vua ngâm hai vần kệ thỉnh cầu ngài: 28. Nhờ nghe nói đến người mình yêu mến, Mà tình yêu thương được dưỡng nuôi hoài, Lòng nhớ nhung người vắng bóng dần phai, Vì nghe thấy khiến người sinh lưu luyến, Xin hãy cho ta đặc ân diện kiến. 29. Giọng nói ngài thật than ái bên ta, Diện kiến ngài còn thắm thiết hơn xa, Vì ta thích được cùng ngài diện kiến, Thiên nga h&i, ở cùng ta, xin đên! Bồ-tát đáp: 30. Ví dù ta ở lại với Quân vương, Trong cảnh vinh quang dường ấy được ban, Song ngày kia, choáng men nồng, Chúa thượng, Có thê truyên: "Bem chúa chim ra nướng !,5 Vua nói: Không dâu, lúc có ngài ở bên cạnh, trẫm sẽ không bao giờ đụng đến men rượu nồng nữa. Rôi vua cam kêt hứa hẹn điêu này qua vân kệ sau: 31. Thức uống ăn kia thật đáng rủa nguyền, Nêu trâm quý yêu hơn cả bạn hiên, Trẫm không nếm dầu giọt nào hay ngụm, Bao lâu ngài ở lại đây cùng trẫm.

CHUYỆN TIỀN THÂN 173

Sau Vần kệ này, Bồ-tát ngâm sáu vần kệ khác:
32. Tiêng loài sơn câu, tiêng chim muông,
Cũng rất dễ dàng được cảm thông,
Tiếng nói người đời tuy rõ thế,
Vô cùng tối nghĩa, hỡi Quân vương!

33 Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình,
Quyến thuộc là đây, bạn chí tinh."
Song tình băng hữu thường hay mat,
Căm hận, oán thù lại khởi sinh.
34. Ai được ngài thương cũng quý ngài,
Gần ngài dù ở tận phương trời,
Song người sống cận kề ngài đó,
Lòng ngài hờ hững cũng xa vời.
35. Ai ở nhà ngài dạ mến thương, vẫn ân cần dẫu cách trùng dương,
Nhà ngài ai ở, tâm thù nghịch,
Xa cách trùng dương vẫn oán hờn!
36 Những người thù nghịch, Chúa công ôi!
Dù ở gần nhau vẫn cách vời,
Song hỡi Đại vương, nuôi quốc độ9
Các Hiền nhân kết hợp nhau hoài.
37. Ai ở quá lâu sẽ thấy rằng,
Thân bằng có lúc hóa cừu nhân,
Trước khi để mất tình thân hữu,
Ta giã biệt ngài, cất bước chân.
Sau đó, vua nói với ngài:
38 Dù trẫm chắp tay lại cố nài,
Ngài không hề chịu để vào tai,
Chẳng dành lời nói cho bằng hữu,
Tha thiết cầu mong giúp đỡ hoài,
Trẫm khát khao ngài ban đặc huệ,
Trở vê đây viêng trâm nay mai.
Thế rồi, Bồ-tát đáp lời:
39. Neu không gì gián đoạn dòng đời,
Ví thử ngài, ta, Chúa thượng ôi!
Còn sống, hỡi người nuôi đại chúng,
Ta bay về lại chốn đây thôi,
Rồi ta còn dịp lành tương kiến,
Trong lúc ngày đêm lờ lững trôi.
174 KINH TIỂU Bộ

Với lời nhắn nhủ vua xong, Bồ-tát lên đường về đỉnh Cittakũta. ***

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày xưa, ngay cả khi Ta được sinh vào loài súc vật? Ta đã chứng minh tính cách mong manh của tứ đại trong cuộc sống và tuyên thuyết Chánh pháp. Nói vậy xong, Ngài nhận diện tiên thân: Vào thời ấy, Ãnanda là vua, Moggallãna (Mục-kiền-liên) là con chim

trẻ nhất, Sãriputta (Xá-lợi-phât) là chim non thứ hai, hội chúng của Như Lai là tât cả thiên nga và Ta chính là thiên nga chúa có thần tốc.

§477. CHUYỆN TIỂU ĐẠO sĩ NÃRADA (Cullanãradajãtakdý ự. IV. 219) Không có củi nào được bô ra... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các trò quyến rũ của một cô gai thô tục. Chuyện kể rằng có một cô gái chừng mười lăm, mười sáu tuổi, con của một người dân ở thành Xá-vệ9 là một cô gái có thê đem vận may đên cho đàn ông, song chẳng có nam nhân nào chọn nàng cả. Vì vậy, mẹ nàng nghĩ thầm: "Con gái ta đã đên tuôi trưởng thành, song chăng ai chọn nó cả. Ta muôn dùng nó như miêng môi câu cá, khiên cho một vị xuât gia tu hành trong dòng họ Thích-ca phải hoàn tục và nó sông nương nhờ vị ây.” Lúc bây giờ, có một thiện gia nam tử ở Xá-vệ đã quyêt tâm tu hành và gia nhập Tăng chúng. Nhưng từ khi chàng đã thọ Đại giới xong, chàng lại mất cả ước vọng tu tập và cứ sông chuyên lo tô điêm bản thân. Người nữ cư sĩ này thường hay dọn săn cháo gạo trong nhà và nhiêu thức ăn loại cứng, loại mềm rồi đứng ở cửa trong khi Tăng chúng đi ngang qua đường phố và cố tình xem ai là người có thể bị lòng thèm ăn của ngon vật lạ lôi cuốn. Tuân tự trên đường là những vị hành trì Tam tạng Kinh, Luật, Luận, song bà không tìm được ai có thể mắc vào mồi của bà cả. Giữa các vị mang bình bát, đắp y kia là những vị Pháp sư thuyết giáo với giọng ngọt ngào như mật, họ nhận đồ khất thực nhanh gọn như mưa dông chợt đến chợt đi. Song cuối cùng, bà chợt thấy một nam nhân tiến tới, khóe mắt thoa dầu thơm, tóc buông xõa9 mang chiêc y trong băng thứ lụa mượt mà, chiêc y ngoài được giặt giũ sạch sẽ, bình bát có màu sắc đẹp như loại bảo châu, chiếc dù thật vừa ý; một con người buông thả các căn theo sở thích, toàn thân một màu đồng

4 Xem J. III. 524, Haliddiragcijqtaka (Chuyện ước mơ chóng phai tàn), số §435; Miln. 403, Gharakapotangapanha (Câu hoi về tỉnh chất của loài bồ câu nhă).

vàng bóng lộn. uĐây chính là người mà ta có thể bắt lấy", bà nghĩ thầm và đảnh lễ vị kia, bà đến cầm lấy bình bát và mời ông vào nhà. Bà dọn chỗ ngồi cho ông? đưa cháo gạo và các thức ăn khác. Rồi sau bữa ăn, bà yêu cầu ông ghé nhà bà làm nơi nghỉ chân lui tới trong tương lai. Vì thế, ông thường viếng thăm nhà đó. về sau5 dần dần với thời gian trở nên thân thiết. Một ngày kia, bà cư sĩ ây nói côt cho ông nghe: Trong nhà này, chúng ta sung sướng lăm9 duy chỉ một điêu là ta chăng có con trai hay con rể để bảo tồn gia sản thôi. Ông nghe được, tự hỏi không biết lý do gì bà lại nói vậy. Chẳng mấy chốc dường như việc đó đã đâm sâu vào tim ông. Bà ta bảo con gái: Con hãy quyến rũ người này di, hãy tìm cách điều khiển chàng theo ý con! Vì thế sau đó, cô gái tô điểm đầy mình đủ loại trang sức và quyến rũ vị kia, dùng đủ mánh lới xảo quyệt của nữ nhân. Ta phải hiêu răng một cô gái thô tục đây không có nghĩa là thân hình mập mạp, nhimg dù mập hay gầy, cô ta cũng bị gọi là "c6 gái thô tục" vì mãnh lực năm thứ dục tình của cô ta. Sau đó, nam tử kia còn trẻ lại bị dục tình chi phối nên lòng thầm nghĩ: “Nay ta không thể nào tu theo giáo pháp của đức Phật được nũ*a." Và ông đi đến tinh xá đặt y bát xuống, nói với các vị Giáo thọ sư của mình: -Tâm con đang thối thất. Rồi các Tỷ-kheo ấy dẫn ông đến bậc Đạo sư và thưa: Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo này đang

thối thất. Ngài hỏi: Này Tỷ-kheo, họ bảo rằng tâm ông đang thối thất. Có đúng vậy không? Bạch Thế Tôn, quả thật như vậy. Thế việc gì khiến ông như vậy? Bạch Thế Tôn, một cô gái thô tục. Ngài bảo: Này Tỷ-kheo9 ngày xưa lâu lăm rôi khi ông ở trong rừng, chính cô gái này đã cản trở đời thanh tịnh của ông và đã làm hại ông rất nhiều. Thế thì tại sao ông lại sinh thối thất vì cô ta nữa? Rồi theo lời thỉnh cầu của Tăng chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ. ***

Một thời kia, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại9 Bồ-tát được sinh vào một gia đình Bà-la-môn rất giàu có. Sau khi thành đạt việc học vấn, ngài về điều hành cả tài sản. Kế đó, bà vợ ngài sinh một con trai rồi qua đời. Ngài suy nghĩ: "Cũng như vợ yêu quý của ta, cái chết sẽ không chừa ta đâu, vậy gia đình có nghĩa gì với ta nữa? Ta muốn xuất gia tu hành." Vì thế, ngài từ bỏ mọi tham

dục cùng con trai đi vào vùng Tuyết Sơn, ở đó cùng sống đời ẩn sĩ, tu tập thiền định và thắng trí, cư trú trong rừng, sinh sống bằng trái cây và củ rừng. Vào thời ây, dân chúng ở biên địa cướp phá xứ sở. Sau khi tân công một thị trấn và bắt các tù nhân, bọn chúng chất đầy chiến lợi phẩm rồi trở về vùng biên địa. Trong số ấy có một cô gái tuyệt đẹp, song đầy mánh khóe giả dối. Cô ta nghĩ thầm: "Những nệười đàn ông này khi mang chúng ta đi xa nhà sẽ biến bọn ta thành nô lệ? ta quyet tìm cách trốn tho^t." Vì vậy, cô ta bảo: Thưa chủ nhân, thiệp muôn nghỉ chân, vậy cho thiệp nghỉ chân một lát. Nàng đánh lừa bọn cướp như thế rồi trốn đi. Lúc bây ẹiờ9 Bô-tát đã đi vào rừng tìm củ quả, đê con trai ở lại am lá. Trong khi ngài đi vang, cô gái đang lang thang trong rừng, bước đến am này vào sáng sớm, quyến rũ chàng trai bằng dục tình, phá hủy công đức của chàng và chinh phục chàng theo ý mình. Nàng bảo chàng: Sao chàng lại ở trong rừng này? Đôi ta cùng vê một làng kia làm nhà riêng cho chúng ta ở. Tại đó đôi ta dễ dàng tận hưởng mọi lạc thú ái tình. Chàng bằng lòng và bảo: Nay cha ta đang ở trong rừng kiếm trái cây, khi nào gặp lại cha ta thì chúng ta sẽ cùng nhau đi xa. Lúc ây5 cô gái thâm nghĩ: 4aCậu trai khờ dại này chăng biêt gì cả, song còn cha cậu ăt năn đã xuât gia tu hành lúc tuôi già. Khi ông ây vê nhà, ông ây sẽ Diet ta làm gì ở đây và đánh đập ta, lôi cổ, kéo cẳng ta ra, quẳng ta vào rừng sâu. Vậy ta muốn đi ngay trước khi ông ấy ."Rồi chỉ rõ dấu hiệu đi đường xong, nàng liền đi ngay. Sau khi nàng vừa khuất bóng, chàng trai trở nên buôn bã, không làm phận sự hàng ngày như thường lệ mà trùm kín từ đầu tới chân, nằm dài ra trong am lá, u sầu phiên muộn. Khi bậc Đại sĩ đem mớ quả rừng về nhà, ngài quan sát dấu chân cô gái: "Dây là dấu chân một nữ nhân,\ ngài nghĩ thầm: "At hẳn côn^đức của con trai ta đã mất roi/5 Sau đó, ngài bước vào am đặt mớ quả rừng xuống và ngâm vần kệ đầu hỏi con trai ngài: 40. Không có củi nào được bổ ra, Và không kéo nước tự ao hồ, Cũng không có lửa nào con nhóm, Đờ đân năm, sao giông kẻ rô? Nghe giọng của cha, chàng trai vùng dậy đảnh lễ cha và hết sức cung kính, chàng thổ lộ rằng chàng không thể nào chịu được cuộc sống trong rừng nữa và chàng ngâm đôi vần kệ: 41. Con không thê sông ở sơn lâm, Cuộc sống trong rừng thật khó khăn, Con quyết điều này, Ca-diếp hỡi, Con mong trở lại chốn phàm nhân.

42. Xin Đại sĩ ơi5 hãy dạy con,
Khi con từ giã, bước lên đường,
Thế nào phong tục trong toàn quốc,
Con phải biết cho thật tỏ tường?
Bậc Đại sĩ bảo:
- Này con, được lắm, ta sẽ dạy con mọi phong tục trong nước!
Và ngài ngâm đôi vần kệ:
43. Nêu con đã quyết chí xa rời,
Các trái cây rừng với sắn khoai, về sống thị thành, nghe dạy bảo,
Làm sao phong cách hợp theo đời.
A
44. Tránh nơi vách đá? chôn hang sâu,
Thuốc độc rời xa, dẫu loại nào, • r
Bước thận trọng nơi loài răn &,
Đống bùn nhơ bẩn chớ sa vào.
Con trai vị ẩn sĩ không hiểu được lời khuyên cốt lối ấy liền hỏi:
45. Vách đá, dốc cao ấy có gì,
Liên quan đến thánh đạo ta di,
Bùn nhơ, thuốc độc cùng loài rắn,
Xin nói điều này với tiểu nhi.
Vị ấy đáp lời giải thích:
46. Có thuốc uống kia ở cõi trần,
Mà người ta gọi rượu, con thân,
Thơm tho như mật ong ngon ngọt,
Giá rẻ5 đầy hương vị dịu dàng,
Cái ấy Narada, bạc Tri*
Bảo là thuốc độc đối Hiền nhân.
47. Và bọn nữ nhân ở cõi trần,
Làm người ngu trí phải điên cuông,
Chúng lôi đám trẻ người non dạ,
Như bão dưới đường bắt hạt bông,
Ta nói vực sâu là đấy nhé,
Đang năm ngay trước mặt Hiên nhân.
48. Được đời trao tặng đại vinh quang,
An sủng, lộc nhiêu, tiêng tôt vang,
Này đó Nãrada, bùn câu uê9
Có cơ làm bẩn các Hiền nhân.
49. Đê vương cùng với các quân thân,
Đang ngự trong cung chốn thế nhân,

Này đó Nãrada, đều chức trọng,
Mỗi vua là một chúa oai hùng.
50. Trước chân vua chúa, các quân vương,
Con nhớ đừng nên chọn bước đường,
Vì đó Nãrada, là rắn cả?
Những người ta đã nói5 con thương.
51. Ngôi nhà con đên đê xin ăn9
Khi mọi người an tọa trước bàn,
Nếu thấy tốt lành trong chỗ ấy,
Thì con ăn uông thỏa thuê lòng.
52. Khi người . kiaA dọn bữa mời r con,
Thực hiện điêu này lúc uông ăn,
Đừng uống quá chừng, ăn quá độ5
Tránh xa nguôn dục lạc phàm trân.
53. Rượu chè, chuyện phiêm, bạn tà gian,
Các tiệm bán buôn của thợ vàng,
Con hãy tránh xa như những kẻ,
Đi trên đường lộ chăng bình an.
Trong khi người cha cứ tiếp tục nói mãi? nói mãi bên tai, chàng trai dần dần hồi tỉnh và nor ụ

Thưa phụ thân, con đã chán chê cõi phàm trần rồi. Sau đó, người cha dạy cho chàng tu tập từ tâm và các thiện pháp khác. Người con nghe theo lời cha dạy bảo, chẳng bao lâu phát khởi thiền định trong tâm trí chàng. Và cả hai cha con không bao giờ gián đoạn thiền định nên được tái sanh vào cõi Phạm thiên. *** Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài nhận diện tiền thân: Vào thời ấy, cô gái thô tục này là thiếu nữ kia, Tỷ-kheo thối thất là con trai vị ẩn sĩ và Ta chính là người cha.

§478. CHUYỆN sứ GIẢ (Dũtạiãtaka)5 ự. IV. 224) Trâm tư bên bên nước sông Hăng... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về việc tán thán trí tuệ của Ngắi. Trong pháp đường, Tăng chúng đang bàn luận:

5 Xem J. IV. 212, Javanahams(ỳãtaka (Chuyện thiên nga chúa thần tốc), số §476.

_ Này các Hiền hữu Tỷ-kheo, tài trí của đấng Thập Lực thật dồi dào, phương tiện thiện xảo biết bao! Ngài đã chỉ cho Vương tử Nanda (em trai của Ngài) thấy các thiên nữ xong, khiến vị ấy đắc Thánh quả. Ngài lại trao tấm vải cho Cullapanthaka, vị ấy chứng (Iuả A-la-hán và bốn vô ngại giải. Ngài chỉ đóa hoa sen cho người thợ rèn nọ khiên người ây đạt Thánh quả. Quả thật Ngài đang hóa độ chúng sanh với muôn vàn phương tiện khác nhau! Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang ngồi bàn luận chuyện gì. Các vị trình với Ngài, Ngài bảo: Đây không phải là lần đầu tiên Như Lai có đủ phương

tiện thiện xảo và tài trí để biết rõ việc gì sẽ đem lại kết quả như ý mà ngày xưa Như Lai cũng đã đầy đủ tài trí. Nói vậy xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, cả nước đó không có vàng vì vua áp bức toàn dân và lấy hết kho vàng. Vào thời ấy, Bồ-tát sinh vào một gia đình Bà-la-môn ở một làng nọ trong xứ Kãsi. Khi ngài đến tuổi khôn lớn, ngài đến Takkasilã và nghĩ thầm: Ta sẽ kiêm tiên đê trả học phí cho sư phụ ta sau băng phương pháp xin của bố thí một cách kín đáo. Ngài đi đến thọ giáo và khi đã hoàn thành việc học tập, ngài nói: Thưa sư phụ, con sẽ dùng hết năng lực tinh càn của con để đem về dâng sư phụ số tiền xứng đáng với việc sư phụ dạy bảo. Thế là xin phép từ giã thầy dạy, ngài ra đi tất cả vùng đó để cầu bố thí. Sau khi ngài đã kiếm được vài lạng vàng theo đúng cách chân chánh và ngay thẳng, rồi trên đường đi đã dùng thuyền vượt qua sông Hằng, ngài ra về định trao tận tay thầy mình. Khi con thuyền tròng trành trên mặt nước, số vàng ấy rơi mất. Ngài suy nghĩ: "Xứ này thật khó kiem vàng, nếu ta lại đi làn nữa để kiếm tiền trả thầy ta thì sẽ chậm trễ lắm. Vậy nếu ta cứ ngồi tuyệt thực bên bờ sông Hằng thì sao? Dần dần cũng có lúc đức vua biết được việc ta ngồi đây và vua sẽ phái một vài cận thần đến, nhưng ta sẽ chẳng nói gì với họ. Sau đó? chính đức vua sẽ đến và nhờ đó ta sẽ kiếm được tiền học phí trả thầy ta." Vì vậy, ngài đắp thượng y lên mình, đặt sợi dây tế đàn ra ngoài và ngồi bên bờ sông Hằng như thể một pho tượng vàng trên vùng cát bạc. Đám đông đi ngang qua thây ngài ngồi đó không ăn thứ gì cả liền hỏi tại sao ngài ngồi như vậy, nhimg ngài không nói lời nào với dân chúng. Hôm sau, dân làng kế cận hay tin ngài ngồi đó cũng đến hỏi han nhưng ngài cũng không nói gì. Dân chúng thấy ngài kiệt sức như vậy thì vừa bỏ đi vừa thương xót than vãn. Ngày thứ ba, dân từ kinh thành kéo đến, ngày thứ tư là các bậc quyền cao chức trọng trong kinh thành, ngày thứ năm là các triều thần quanh vua, ngày thứ

sáu vua sai các đại thần đến nhưng ngài chẳng hề nói với ai điều gì. Ngày thứ bảy, vua lo ngại đến gặp ngài và xin ngài giải thích qua vần kệ đàu:

54. Trầm tư bên bến nước sông Hằng,
Và tại sao chàng chẳng nói năng,
Để trả lời ta truyền nhắn hỏi,
Hay chàng giâu chuyện khô đau chăng?

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

-Tâu Chúa thượng, nỗi sầu của thần chỉ được thổ lộ cho người có thể vứt bỏ nó đi chứ không nói với ai khác được.

Rồi ngài ngâm bảy vần kệ:

55. Hỡi Đại vương nuôi xứ Kãsi!
Số ngài ví thử gặp sầu bi,
Nỗi sầu chớ lộ cho người khác,
Nêu kẻ này không có ích gì.
56. Song nêu ai san sẻ một phân,
Nỗi sầu, nhờ thế lực quyền năng,

Thì con người ấy đang sầu muộn,
Nói rõ người kia mọi ước mong.
57. Tiêng loài sơn câu, tiêng chim muông,
Cũng rất dễ dàng được cảm thông,
Tiếng nói người đời tuy rõ thế,
Vô cùng khó hiểu, hỡi Quân vương!
58. Con người thường nghĩ: “Bạn thân minh,
Quyến thuộc bà con, bạn chí tinh."
Song môi tình thân thường biên mât,
Oán thù, căm hận lại dần sinh.
59. Người không được hỏi gặng nhiều lần,
Nói chẳng đúng thời nỗi khổ tâm,
Chắc chắn làm phiền lòng bạn hữu,
Mong mình an ổn, phải than van.
60. Tìm kiếm cơ may để nói năng,
Biết người Hiền trí lại đồng lòng,
Bạn hiên tỏ nôi ưu cùng bạn,
Ý nghĩa nằm sau tiếng dịu dàng.
61. Song nếu Trí nhân thấy rõ ràng,
Không gì giải được nỗi gian truân,
Điều gì đem nói cho người biết,
Cũng chăng đạt thành quả ước mong,
CHUYỆN TIỀN THÂN 181

Bậc Trí một mình đành nín lặng,
E dè nhẫn nhục đến sau cùng.
Bậc Đại sĩ đã thuyêt pháp như vậy qua bảy vân kệ trên đê giáo hóa vua rôi ngâm thêm bôn vân nữa đê kê chuyện ngài đi kiêm tiên trả cho thây dạy:
62. Đại vương! Thần đã phải lang thang,
Nhiều nước, kinh thành, mỗi quốc vương,
Thị trấn, thôn làng, cầu bố thí,
Bởi vì học phí quyết lòng mang.
63. Đốn trước thềm ai, mọi chủ nhà,
Triều thần, đạo sĩ hoặc thương gia,
Câu xin một ít vàng, thân được,
Chừng một hay hai lạng ây mà9
Chúa thượng, số vàng nay đã mất,
Nên thần buồn bã thật sâu xa.
64. Các sứ giả không thế lực gì,
Làm thần thoát khỏi nỗi sầu bi,

Thần đà cân nhắc hoài cho kỹ,
Chúa thượng, thần không giải thích chi.
65 Song ngài uy lực đủ, Anh quân!
Giải thoát cho thần nỗi khổ thân,
Vì xét kỹ ngài nhiều đức độ,
Thần cho ngài biết thật tinh tường.
Khi vua nghe lời cảm khái ấy liền đáp:
Này chàng Bà-la-môn, thôi đừng phiền muộn nữa. Trẫm sẽ tặng học phí cho chàng đem trả sư phụ.
Rồi vua hoàn lại gấp đôi số vàng cũ.
***
Để làm sáng tỏ vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ cuối cùng:
66 Đại vương nuôi dưỡng cả giang san,
Hoàn lại người kia một số vàng,
[Tròn vẹn với lòng tin tưởng nhất]
Trước chàng đã c6, gấp đôi lần.
Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:
Như vậy, này các Tỷ-kheo, không phải chỉ bây giờ Như Lai mới đầy đủ phương tiện thiện xảo, xưa kia Như Lai cũng như vậy.
Rồi Ngài nhận diện tiền thân:
Vào thời ấy Ānanda (A-nan) là vua, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị giáo sư và Ta là chàng thanh niên kia.
182 KINH TIÊU Bộ

§479. CHUYỆN VUA KÃLINGAVÀ CÂY BỒ-ĐỀ (Kãlingabodhiãtaka) ự. IV. 228) Kãlinga Thánh dê, Chuyên Luân Vương... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về việc Tôn giả Ānanda cử hành lể cúng dường cây Bồ-đề. Trong lúc đức Như Lai đi du hành vì mục đích thâu nhận những người đủ cơ duyên để giáo hóa, dân chúng thành Xá-vệ tiến đến Kỳ Viên, tay cầm rất nhiều vòng hoa thơm ngát, thấy không có nơi nào khác để tỏ lòng ngưỡng mộ sùng kính liền đặt hoa bên cổng vào hương phòng của đức Phật rôi ra đi. Việc này đã gây được niềm hoan hỷ rất lớn. Song trưởng giả Anãthapindika (Cấp Cô Độc) nghe được chuyện ấy, khi đức Như Lai trở về, vị trưởng giả liền đến thăm Tôn giả Ānanda và nói với ngài: Thưa Tôn giả, tinh xá này không được cúng dường trong lúc đức Như Lai du hóa và không có nơi nào cho dân chúng dâng hoa thơm để tỏ lòng sùng bái. Xin Tôn giả từ bi thưa với đức Như Lai về vấn đề này, để Ngài cho biết xem có thể tìm được nơi nào dùng vào mục đích này chăng. Tôn giả sẵn sàng làm theo liền thưa với đức Phật: - Bạch Thế Tôn, có bao nhiêu loại bảo tháp? Này Ānanda, có ba loại. Bạch Thế Tôn, đó là các loại nào? -Bảo tháp thờ kim thân, bảo tháp thờ các vật thường dùng hay mang trên người và bảo tháp thờ các kỷ vật (ảnh tượng). -Trong lúc Thế Tôn còn tại thế, có thể xây một bảo tháp được chăng? Không được9 này Ananda, không thể xây một bảo tháp thờ kim thân, loại tháp đó chỉ

được xây khi nào một đức Phật diệt độ [đắc Niết-bàn Vô dưy]. Một bảo tháp thờ kỷ vật cũng không đúng vì mối liên hệ chỉ tùy thuộc vào tâm tưởng mà thôi. Còn cây Đại Bồ-đề đã được chư Phật sử dụng nên rất đáng làm nơi chiêm bái, dù chư Phật còn tại thế hay diệt độ. - Bạch Thế Tôn, trong thời gian Thế Tôn du hóa xa xôi, n^ôi tinh xá Kỳ Viên này không nơi nương tựa và dân chúng không có nơi nào để có thể tỏ bày lòng quy ngưỡng. Xin Thế Tôn cho phép con trồng một hạt giống từ cây Đại Bồ-đề (ở Bô-đề Đạo tràng) ngay trước công tinh xá này được chăng? Dĩ nhiên nên làm như vậy lắm, này Ảnanda, và nó cũng sẽ là một nơi an trú cho Ta như trước kia. Tôn giả nói lại chuyện ấy với trưởng giả cấp Cô Độc, bà Visãkhã và Vua Pasenadi. Sau đó, tại cổng tinh xá Kỳ Viên, Tôn giả đào một lỗ để trồng cây Bồ-đề và nói với Đại Trưởng lão Moggallãna (Mục-kiên-liên): Tiểu đệ muốn trồng một cay Bồ-đề trước tinh xá Kỳ Viên, xin Tôn huynh kiếm cho tiểu đệ một qua Bồ-đề có được chăng?

CHUYỆN TIỀN THÂN 183

Vị Trưởng lão sẵn sàng đồng ý liền bay qua không gian đến tận vùng đất có cây Bồ-đề ấy. Ngài lấy đặt dưới tấm y một quả Bồ-đề đang rụng ra khỏi thân cây nhưng không rớt xuống đất và mang nó về giao cho Tôn giả Ãnanda. Vị Tôn giả này báo tin cho vua xứ Kosala biết là mình sắp trồng cây Bồ-đề. Vì thế, buôi chiêu vua đên cùng với đông đảo tùy tùng, sau đó ông Cập Cô Độc và bà Visăkhã cũng đến cùng một nhóm người mộ đạo nữa. ơ chô cây Bô-đê săp được trông, Tôn giả Ananda đặt một chiêc bình vàng dưới đáy có lỗ, đựng đầy đất tắm nước hương thơm ngát. Tôn giả bảo: Tâu Đại vương, xin hãy trông hạt giông Bô-đê này! Và Tôn giả trao hạt ây cho vua, song vua nghĩ răng vương quôc này không ở trong tay mình mãi được nên để cho ông cấp Cô Độc trồng, liền giao hạt giống cho vị trưởng giả đại phú kia. Sau đó9 ông cấp Cô Độc xới đất thơm lên và thả hạt giống vào. Vừa lúc hạt rơi ra khỏi tay vị ấy, ngay trước mắt mọi người vọt lên một cây Bồ-đề con to cỡ bằng đầu lưỡi cày, cao chừng năm mươi cubit, tứ phía nảy ra năm cành lớn dài năm mươi cubit như thân cây ấy. Cây đứng sừng sững như thế quả là một chúa tể rừng xanh, một phép lạ hy hữu thần kỳ! 5 r Vua tưới quanh thân cây những bình băng vàng, băng bạc, tât cả tám trăm bình đựng đây nước tỏa hương thơm ngát, tươi đẹp với vô sô hoa sen xanh. Bao giờ cũng vậy, vua ra lệnh tất cả mang một dãy dài bình bát đựng đầy thực phẩm và một sàng tọa làm bằng bảy báu vật có lớp nhủ vàng rảy lên, rồi dựng một bức tường bao quanh vùng ấy? lại xây một nhà canh cổng làm bằng bảy báu vật. Vua bày tỏ lòng sùng kính đặc biệt như vậy đôi với cây Bô-đê. Trưởng lão Ananda đên gân đức Như Lai và thưa với Ngài: Bạch đức Thế Tôn, vì lợi lạc của chúng sanh, xin Thế Tôn an tọa, thị hiện ngay dưới cây Bô-đê con vừa mới trông này sự chứng đăc Vô thượng Chánh đang giác mà Thế Tôn đã thành tựu dưới gốc cây Bồ-đề trước kia. Này Ảnanda, ông nói ẹi thế? Không có nơi nào khác có thể chịu đựng nổi sức mạnh của Ta nếu Ta ngồi nơi đó để chứng đắc quả vị mà Ta đã chứng đắc trong khu vực có cây Đại Bồ-đề trước kia cả đâu. Tôn giả Ãnanda lại nói: Bạch Thế Tôn, xin Thế Tôn vì lợi lạc của chúng sanh mà dùng cây Bồ-đề này làm nơi nhập đại định, bao lâu mặt đất chốn này đủ sức chịu đựng sức mạnh của The Tôn. Bậc Đạo sư liên sử dụng nơi mới trông cây Bô-đê ây đê nhập đại định suôt một đêm. Tôn giả Ảnanda liền thông báo với vua và mọi người khác, rồi gọi buổi dâng cúng hoa, vật

thơm đến cây Bồ-đề là hội Bồ-đề. Và cây này do Tôn giả Ãnanda trồng nên được đặt tên là "Cây Bồ-đề của Ananda." Vào thời ấy, Tăng chúng bắt đầu nói đến việc trên tại pháp đường: Này Hiền hữu, ngay khi đức Như Lai còn tại thế, Tôn giả Ãnanda đã xin

trồng một cây Bồ-đề và cử hành đại lễ cúng dường cây ấy. Uy lực của Tôn giả thật cao cả thay! Bậc Đạo sư đi vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận điều gì. Các vị thưa với Ngài, Ngài bảo: Này các Tỷ-kheo9 không phải chỉ bây giờ mà ngày xưa Ãnanda cũng đã hướng dẫn hội chúng loài người trên khắp bốn châu thế giới cùng các tùy tùng đông đảo mang đến vôA sô\ vòng hoa thơm, v.v... và mở hội Bô-đê trong vùng đạo tràng quanh cây Bô-đê. Nói xong, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ? trong vương quốc Kãlinga tại kinh thành Dantapura có một vị vua mệnh danh là Kăliõga cai trị. Vua có hai vương tử tên là Mahãkãliõga và Cullakãlinga. Thời ấy, các nhà tiên tri đã đoán rằng vị thái tử sẽ cai trị sau khi vua cha băng hà, còn vị vương đệ sẽ trở thành nhà tu khô hạnh, sông đời khât sĩ; tuy thế, con trai vị này sau này sẽ làm một đấng Chuyển Luân Thánh Vương.6 Thời gian trôi qua và khi vua cha băng hà, thái tử lên ngôi báu, còn vương đệ làm phó vương. Vị vương đệ cứ nghĩ rằng con trai mình sau này sẽ là một Chuyển Luân Vương nên sinh lòng kiêu mạn về cớ đó. Vua không chịu được chuyện này liên ra lệnh cho một vị sứ thân truy băt Phó vương Cullakãlinga. Vị sứ giả kia đi đến bảo: -Tâu Điện hạ, Đại vương muốn sai bắt ngài, vậy ngài hãy lo cứu mạng mình! Vương tử này liền chỉ cho vị sứ thần được giao trọng trách này thấy chiếc nhân có dâu hiệu riêng của mình, một tâm thảm thật đẹp và một cây kiêm, có ba bảo vật tất cả5 rồi vị vương đệ bảo: Khanh phải nhận ra được vương nhi của ta nhờ những tín vật này và phò vương nhi lên ngôi báu. Cùng với những lời dặn dò này, vương tử vội trốn vào rừng. Tại đó, chàng dựng một am thất ở một nơi đẹp, vừa ý và sống như người tu khổ hạnh trên một bờ sông. Lúc bấy giờ, trong vương quốc Madda ở kinh thành Sãgala, vua xứ Madda vừa hạ sinh một công chúa, về phần công chúa này cũng như vương tử kia, các nhà tiên tri đoán răng nàng sẽ phải làm nhà tu khô hạnh, song con trai nàng lại sẽ thành một vị Chuyên Luân Vương. Các vị vua ở Diêm-phù-đê nghe tin đôn ây liên đông một lúc đên bao vây kinh thành. Vua nghĩ thâm: "Nay ta gả con gái ta cho một quốc vương nào thì các vị vua kia sẽ nổi giận. Vậy ta phải cố

6 Chuyển Luân Thánh Vương (P. CaỊckavattirăịa, s. Cakravartirăja,r),vị vua có đầy đủ 4 đức (sống lâu, không bệnh, dung mạo tốt đẹp, kho báu sung mãn), thống nhất bôn châu Tu-di, lấy chánh pháp trị vì, đất nước thái hoa, dân chúng an vui. Vua co 7 báu (xe bau, voi báu, ngựa báu, mâ-ni báu, ngọc nư bấu, cư sĩ báu, tướng quân báu).

găng cứu mạng con gái ta.” Vì thê, vua cùng hoàng hậu và công chúa cải trang trốn vào rừng. Và sau khi dựng một am thất hơi xa bờ sông, phía trên thảo am của Vương tử Cullakãliỏga, họ cùng sống tại đó như người tu khổ hạnh, ăn toàn những thứ trái cây lượm hái được. Hai vị cha mẹ muôn con gái được an ôn nên đê nàng ở lại trong am, rôi đi ra hái trái rừng. Trong lúc hai vị đi vắng, nàng lượm đủ các loại hoa kết thành vòng

hoa. Bấy giờ, trên bờ sông Hằng có một cây xoài nở hoa đẹp? tạo thành một cái thang thiên nhiên. Nàng trèo lên đó đùa chơi và tìm cách thả vòng hoa xuống nước. Một ngày kia, Vương tử Cullakãliồga vừa bước ra khỏi nước sau khi tắm thì vòng hoa nọ vướng lên tóc chàng. Chàng nhìn hoa và bảo: Một nữ nhân nào đã kêt hoa này, song đó không phải là một người đàn bà trưởng thành mà là một cô gái còn thơ dại. Ta phải kiêm nàng mới được. Thế là chàng đâm ra si tình, đi lên phía thượng lưu sông Hằng cho đến khi chàng nghe nàng ca hát băng một giọng ngọt ngào trong lúc ngồi trên cây xoài. Chàng đến gần gốc cây, vừa thấy nàng liền bảo: - Này giai nhân, nàng là loài gì thế? Nàng đáp: Thưa công tử, thiếp là người. Chàng bảo: - Thế thì hãy xuống đi! Thưa công tử, không được, vì thuộc dòng dối Sát-đế-lỵ. Thưa công nương, ta cũng vậy, xin nàng bửớc xuống! Thưa công tử, không được, thiêp không xuông đâu. Lời nói không làm nên một Sát-đế-lỵ5 nếu quả thật ngài là một vị Sát-đế-lỵ? xin hãy kể cho thiếp nghe những điều bí mật của nghi lễ truyền thống kia! Sau đó, hai người nói cho nhau nghe những điều bí mật truyền kỳ trong dòng họ. Rồi công chúa bước xuống và hai bên kết giao với nhau. Khi cha mẹ nàng trở về, nàng kể cho hai vị nghe chuyện vương tử của Vua Kãliỏga, vì sao chàng vào rừng với đầy đủ mọi chi tiết. Hai vị bằng lòng đem gả nàng cho chàng. Trong thời gian sống chung sắc cầm hòa hợp, công chúa thụ thai và sau mười tháng hạ sinh một nam tử đầy đủ tướng mạo tốt lành, phước đức và đặt tên là Kãlinga. Chàng trai lớn lên, học tập đủ mọi nghệ thuật tài năng từ thân sinh và tổ phụ của chàng. về sau, cha chàng nhìn cách kết hợp của ngôi sao và biết được vương huynh đã băng hà. Vì thế, ông gọi con trai vào và bảo: Này con, con không nên phí cuộc đời trong rừng già buồn tẻ vì vương huynh ta, Đại vương Kãliồga ấy đã qua đời. Vậy con phải về Dantapura và kê vị vương quyền của dòng họ ta!

Sau đó, người cha trao cho con các vật mang theo mình: Chiếc nhẫn có tín hiệu, tấm thảm và thanh kiếm rồi bảo: Này con, trong kinh thành Dantapura, ở phía kia có một vị đại thần vốn là bề tôi thân tín của cha. Con hãy đến nhà vị ấy, đi thẳng vào phòng riêng, đưa cho ông ta thấy ba vật này rồi nói cho ông biết con là con của ta. Ông ta sẽ đưa con lên ngai vàng! Chàng trai giã từ cha mẹ, ông bà, và nhờ thần lực cong đức của chàng, chàng bay qua không gian, xuống nhà vị đại thần nọ, đi thẳng vào phòng riêng của vị ấy. Vị quan hỏi: Công tử là ai? Chàng đáp: Ta là con trai của Cullakãlinga. Rôi chàng rút ba tín vật ây ra. Vị quan liên báo tin cho cả hoàng cung, các triều thần liền trang hoàng kinh thành và giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu chàng. Sau đó, vị tê sư của triều đình tên là Kalingabharadvaja dạy chàng mười pháp mà một vị Chuyển Luân Thánh Vương phải thành tựu và chàng học tất cả mười phận sự ấy. Thế rồi vào một ngày rằm, tức là ngày trai giới, từ Cakkadaha xuất hiện cho vua bánh xe báu (bảo luân), từ dòng họ uposatha xuất hiện voi báu9 từ giống quý tộc Valãha xuất hiện ngựa báu, từ Vèpulla xuất hiện bảo châu, kế là nữ vương báu cùng gia chủ báu và tướng quân báu dần dần xuất hiện. Sau đó vua thống trị toàn cõi địa cầu. Một ngày kia, ngài được đoàn tùy tùng hộ tông suôt ba mươi sáu do-tuân, ngự trên bảo tượng toàn trắng cao như đỉnh núi Kelãsa. Trong cảnh uy nghi lộng lẫy, ngài trở vê thăm song thân ở chôn cũ. Nhưng khi muôn vượt qua vùng đất quanh cây Đại Bồ-đề, bảo tòa vinh quang

của chư Phật? nơi đã trở thành tâm điểm của vũ trụ thì voi báu không thể nào qua được. Vua cứ thúc voi mãi, song voi vẫn không thể nào vượt qua. *** Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ đầu: 67. Kãlinga Thánh đế, Chuyển Luân Vương, Chân chánh, ngài cai trị cõi trần, Một thuở đến Bồ-đề đại thọ, _ Trên mình voi báu, đại oai thân. Do đó, vị tê sư của triêu đình cùng du hành với vua thâm nghĩ: uTrên không gian chăng có gì cản trở cả, tại sao đức vua không giục voi qua được? Ta muôn đến xem sao." Từ trên không hạ xuống, vị này chiêm ngưỡng bảo tòa vinh quang của chư Phật và khu vực quanh cây Đại Bô-đê. Thời ấy, tương truyền rằng, trong khoảng chừng một dặm vuông ấy không bao giờ có một ngọn cỏ mọc dù chỉ băng một sợi lông nhỏ; mặt đất như thê cát

mịn, bốn bề là thảo mộc, dây leo và đại thọ chẳng khác nào chúa tể sơn lâm sừng sững như đang chiêm ngưỡng, đầu quay mặt về hướng bảo tòa Bồ-đề. Khi vị tế sư Bà-la-môn quan sát chỗ này lại suy nghĩ: "Bây là nơi chư Phật đã đoạn tận mọi dục tham của trân thê nên không ai có thê vượt qua được dù cho đó chính là Thiên chủ Đế-thích đi nua?5 Và tiến về phía đức vua, vị tế sư tâu với ngài các đặc tính của địa phận quanh cây Bô-đê cùng thỉnh câu vị Chuyên Luân
Vương ngự xuông voi.
Để giải thích vấn đề này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:
68 Vị tế sư tâu với Thánh vương,
Là con nhà khô hạnh hiên nhơn,
Khi ngài chuyển vận xa luân báu,
Đảnh lễ ngài xong, hướng dẫn đường.
69. "Đây các thi nhân vẫn tán dương,
Xin ngài ngự xuống, tấu Hùng vương,
Nơi đây chư Phật-đà vô thượng,
Chánh Giác viên thành tỏa ánh quang.
70. Tương truyền rằng ở chốn phàm trần,
Đây chính là linh địa Thánh thần,
Thảo mộc, cát đằng cùng đại thọ,
Đứng quanh trong dáng điệu tôn sùng.
71. Xuống dây, xin đảnh lễ trang nghiêm,
Vì đến miền xa tận hải biên,
Trên đại địa cầu nuôi vạn vật5
Nơi này là đất Thánh thiêng liêng.
72. Đại vương đầy đủ mọi loài voi,
Thuần chủng nhờ cha mẹ tốt đôi,
Ngự giá đên dây, voi vân muôn,
Song không thể tiến bước gần nơi.
73. Ngự trên mình bảo tượng thuân nòi,

Thánh ý tùy nghi cứ thúc voi,
Song chẳng cách nào voi bước nữa,
Đến đây voi phải đứng yên thôi/9
74. Vua nghe lời nói vị tiên tri,
Vừa phán truyên cho bảo tượng đi,
Vừa thúc gậy sâu vào bảo tượng,
"Nếu vầy ta sẽ thấy liền khi."
75. Bị thúc voi kêu thét tựa kèn,
Như còi lanh lảnh, hạc vang rền,

Chuyên rung liên ngã vì hùng lực, Đè nặng sườn không thể đứng lên. Vì cứ bị đức vua thúc mãi, voi không thể nào chịu được cơn đau đớn nên phải chết ngay. Song đức vua không biết là voi đã chết, cứ điêm nhiên ngự trên lưng voi. Một lát sau, Tế sư Kãliồgabhãradvậja nói: -Tâu Thánh thượng, vương tượng đã chết rôi, xin Thánh thượng ngự qua voi khác. *** Bậc Đạo sư ngâm vần kệ thứ mười để giải thích việc này: 76. Quốc sư lo sợ lúc nhìn voi, Đã chết, lòng kinh động thốt lời5 “Xin tìm voi khác, tâu Hoàng thượng, Bảo tượng ngài nay bỏ mạng r8i." Nhờ công đức và thân lực của vị Thánh vương, một con voi khác thuộc chủng loại Ưposatha xuất hiện trước đức vua và đưa lưng ra mời, vua ngự trên limg nó. Lúc ấy, thi thể vương tượng kia liền ngã xuống đất. Bậc Đạo sư ngâm vân kệ đê giải thích việc này: 77. Vua hãi kinh nghe tấu việc này, Ngự lên voi khác, bỗng liền ngay, Thi hài bảo tượng kia nhào xuống, Lời thật tiên tri đã hiển bày. Lập tức vua ngự xuống từ trên không trung và chiêm ngưỡng vùng đất quanh cây Bồ-đề. Trước việc thần kỳ kia vừa thị hiện xong, đức vua tán thán vị Tế sư Bhãradvãja qua vần kệ: 78. Thế này với vị tế sư mình, Đại đế Kãliỏga bảo: uThực tình, Mọi việc khanh am tường thấu suốt, Hiền khanh thấy tất cả duyên sinh." Bấy giờ, vị Bà-la-môn kia không muốn nhận lời tán thán trên mà vẫn giữ sự khiêm tốn của mình, ông tán thán công đức chư Phật và ca tụng các Ngài hết lời. Bậc Đạo sư lại ngâm kệ để giải thích vấn đề: 79. Quốc sư từ chối sự tuyên dương, Và tấu như vầy với Thánh vương, uThần chỉ biết điềm vùng tướng triệu, Còn chư Phật giác ngộ hoàn toàn. 80. Phật-đà tri kiến đạt toàn chân, Ã ? Điêm triệu các Ngài chăng chú tâm,

Chư Phật toàn tri nhờ tuệ quán, Thần là học giả chẳng uyên thâm.” Vua nghe nói về công đức của chư Phật nên lòng đầy hoan hỷ liền ban lệnh cho những người trần thế đem thật nhiều vòng hoa thơm đến cúng dường vùng đất quanh linh thọ Bồ-đề suốt bảy ngày đêm lien. Bậc Đạo sư ngâm đôi vân kệ đê giải thích việc này: 81. Thánh thọ Bồ-đề, Chúa cúng dường, Với bao âm nhạc thật du dương, Các vòng hoa đẹp thơm ngào ngạt, Ngài lại xây quanh một bức tường. 82. Thế rồi Thánh đế ngự ra về5 Mang đến hoa đầy sáu vạn xe, Làm lễ cúng dường vì Đại dế, Kăliồga sùng Thánh địa Bồ-đề. Sau khi đã làm lễ cúng dường trọng thể cây Đại Bồ-đề như trên, đức vua thăm song thân rồi rước hai vị về thành Dantapura sống cùng ngài. Tại đấy, ngài chuyên bô thí và làm các phận

sự khác cho đên khi mạng chung, ngài được tái sanh vào cõi trời Ba Mươi Ba. *** Sau khi chấm dứt pháp thoại trên, bậc Đạo sư bảo: Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ãnanda làm lễ cúng dường cây Bồ-đề mà ngày xưa cũng vậy. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Ãnanda là Vua Kãliốga và Ta chính là vị Tế sư Kãliồgabhãradvãj a.

§480. CHUYỆN HIỀN GIẢ AKITTI (Akittịịãtaka)1 ự. IV. 236) Sakka, Chúa tê của quân sinh... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên về một đại thí chủ rất rộng lượng sống ở Xá-vệ. Chuyện kể rằng, người này mời bậc Đạo sư đến nhà và suốt bảy ngày đã cúng dường rất nhiều thí vật cho Tăng chúng đi theo Ngài. Vào ngày cuối cùng lại cúng dường Thánh chúng đủ các vật dụng cần thiết, sau đó bậc Đạo sư nói lời tùy hỷ với ông:

7 Xem J. III. 39, Khantỉvãđĩjãtaka f(Chuyện đạo lý kham nhẫn), số §313; J. VI. 481, Vessantarajataka (Chuyện Đại vương Vessantarq), số §547; Pv. 32, Ankurapetavatthu (Chuyện ngạ quỷAnkură)', Cp. 73, Àkỉttỉcarỉya (Hạnh của đức Bồ-tát Ảkỉttí).

Này nam cư sĩ, công đức bố thí của ông thật là rộng lớn, ông đã thực hành một việc khó lắm thay. Bố thí là tục lệ của các bậc Hiền trí ngày xưa, thí vật phải được phân phát dù người còn tại gia hay xuất gia. Các bậc Trí giả ngày xua, ngay khi đã rời thế tục vào sống ở trong rừng, khi chỉ ăn lá kãra rảy nước mà không có thứ gia vị nào cả, cũng vẫn đem cho những người khất thực đi qua đó để đáp ứng nhu cầu của các vị ấy và vẫn an trú trong hỷ lạc của bản thân mình. Gia chủ kia đáp: Bạch Thế Tôn, việc cúng dường mọi vật dụng cần thiết ấy cho Tăng chúng thật rõ ràng, dễ hiểu. Song lời dạy của Thế Tôn chúng con chưa được rõ. Xin Thế Tôn giải thích cho chúng con. Rồi theo lời thỉnh cầu trên, Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ5 khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh trong một gia đình đại phú Bà-la-môn có tài sản lên tới tám trăm triệu. Ngài được đặt tên là Akitti. Khi ngài vừa biết đi thì một bé gái được sinh ra đời với tên Yasavatĩ. Lúc mười sáu tuổi9 bậc Đại sĩ đi đến Takkasilã học tập cho đến lúc thành đạt rồi về. Sau đó, cha mẹ ngài qua đời. Khi ngài cử hành tang lễ cho song thân đã khuất xong, ngài xem xét lại kho tàng của gia tộc, trong danh mục ghi rõ: "Các vị này, vị kia đã tích trữ những tài sản lớn như vậy rồi qua đời, kế đến là các vị khác cũng tích trữ nhiều như v^y..Khi thấy chuyện này, ngài phiền muộn trong trí và nghĩ thầm: "Kho báu này ai cũng thấy cả, song những vị tích trữ tài sản thì không còn nữa. Các vị đã ra đi để lại kho báu đằng sau mình, nhưng khi ta từ trần, ta muốn đem theo bảo vat?9 Vì vậy, ngài cho tìm em gái đến và bảo: Hiền muội, hãy trông nom kho báu này! Ý hiền huynh là thế nào? Ngài đáp: —Ta muôn làm người tu khô hạnh. Nàng đáp: —Này hiền huynh, tiểu muội không muốn đội lên đầu những thứ mà hiền huynh đã nhổ ra khỏi miệng, tiểu muội chẳng muốn thứ gì cả mà chỉ muốn sống đời khổ hạnh thôi. Rồi sau khi xin phép vua, ngài bảo đánh trống vang dội khắp kinh thành, bố cáo cho mọi người rõ: Toàn dân lăng nghe này9 ai muôn có tiên bạc cứ đên nhà Hiên nhân kia! Suốt bảy ngày, ngài phân phát những kho tài sản lớn, tuy thế kho báu vẫn chưa hết, ngài lại nghĩ thầm: "Tứ đại trong thân ta đang tan rã, ta còn muốn cái trò

phân phát tài sản này nữa sao? Thôi, ai muốn lấy cứ lấy di!”

Thế là ngài từ giã ngôi nhà đầy châu báu? giữa các gia nhân? thân quyến khóc lóc xung quanh, ngài cùng em gái ra đi. Và cổng thành Ba-la-nại, nơi ngài đi qua được gọi là cổng Akitti, còn bến đò ngài bước xuống bến sông cũng được đặt tên là bến đò Akitti. A r • rw Ngài băng qua ba do-tuân đến một nơi mát mẻ dê chịu thì dựng lên một am lá và cùng em gái sống tu khổ hạnh. Sau thời gian từ bỏ thế tục, nhiều người khác cũng làm như vậy9 dân ở thôn quê, thị trấn, hoặc ở kinh thành có đầy đủ cả. Hội chúng thật đông đảo, các vị ấy nhận được nhiều vật cúng dường cùng sự tôn trọng sùng kính chăng khác nào thời có một đức Phật xuất hiện ở đời. Lúc ấy, bậc Đại sĩ thầm nghĩ: "d đây thật nhiều vinh quang trọng vọng cùng với vô số thí vật và hội chúng đông đảo, song ta phải độc CU." Vì thế, vào một lúc không ai ngờ được và cũng không báo trước cho cô em gái, ngài ra đi một mình, dân dân đến tận vương quôc DamiỊa [ở cực Nam của An Độ]9 sông trên một hoa viên sát trên vùng Kãvĩrapattana, ngài tu tập thiên định và thăng trí. Tại đó? ngài cũng nhận được sự ngưỡng mộ và vô sô thí vật của dân. Điều ấy không thích hợp với ngài, ngài liền từ bỏ hết và phi hành qua không gian rồi đến tận đảo Kãradĩpa [thuộc bờ biển Bắc Tích Lan]. Vào thời ây, Kãradĩpa được gọi là Ahidĩpa hay đảo Răn Rông. Tại đó, ngài xây một ẩn am cạnh một cây kãra lớn và an trú. Song việc ngài ở đó không ai hay biết cả. Lúc bấy giờ, em gái ngài đi tìm anh, dần dần đến tận vương quốc DamiỊa, vẫn không gặp ngài, nàng lại ở ngay chính nơi ngài đã ở, song nàng không thể phát khởi thien đmh. Còn bậc Đại sĩ sống thiểu dục đến độ ngài không đi đâu cả mà cứ vào mùa có trái cây chín, ngài chỉ sống bằng trái cây đó, còn vào mùa lá trổ bông thì ngài ăn lá đó luộc với ít nước lã. Nhờ ngọn lửa công đức của ngài mà chiếc ngai báu bằng cẩm thạch của Thiên chủ Sakka nóng rực lên. Thiên chủ nghĩ: "Ai đã khiến ta phải bước xuống khỏi chiếc ngai ta đang ngự?95 Ngài nhận xét và thấy bậc Hiền nhân này, ngài nghĩ thầm: í6Tại cớ gì vị tu khổ hạnh kia hộ trì công đức? Có phải vị ấy muốn lên ngôi Thiên chủ chăng, hay vì một duyên cớ nào khác? Ta muốn thử vị ấy xem. Vị ấy sống rất khổ cực, chỉ ăn lá kãra luộc với nước thôi. Nêu vị đó ước muôn làm Thiên chủ, vị ây sẽ nhường cho ta mớ lá cây luộc với nước của mình, còn nếu không thì vị ấy sẽ không dua." Sau đó9 Thiên chu giả dạng một Bà-la-môn đến gặp Bồ-tát. Bô-tát đang ngôi ở cửa thảo am, sau khi luộc lá và đem xuông, ngài nghĩ: "Khi nào nguội xong ta sẽ ăn.n Vào lúc ấy, Thiên chủ Sakka đứng trước mặt ngài và xin bố thí. Khi Bồ-tát nhìn thấy Thiên chủ, lòng rất hoan hỷ, ngài nghĩ thầm: "That là một niềm hạnh phúc cho ta, ta thấy một vị khất thực, hôm nay ta sẽ đạt được tâm nguyện và ta sẽ bố thí.” Lúc món ăn đã sẵn sàng, ngài liền múc vào bát và vừa tiên vê phía Thiên chủ vừa nói:

Đây là vật cúng dường của ta, ước mong răng đây là phương tiện đê ta đạt Chánh giác Tối thưOTig. Rôi chăng đê lại chút gì cho mình, ngài đặt hêt thức ăn vào bình bát của Thiên chủ. Vị Bà-la-môn này cầm lấy, vừa đi một khoảng ngắn thì biến mất. Còn bậc Đại si, sau khi cúng dường cũng không nâu thêm thứ gì nữa mà cứ ngôi an tịnh trong

niềm hỷ lạc. Hôm sau, ngài cũng luộc lá và ngồi trước cửa am như cũ. Thiên chủ Sakka lại đến giả dạng một Bà-la-môn và bậc Đại sĩ cũng bố thí rồi tiếp tục an trú vào hỷ lạc. Vào ngày thứ ba, ngài lại bố thí như trước và bảo: Ngài hãy xem phần phước lạc dành cho ta nhiều biết bao! Chỉ một ít lá kãra đã mang lại công đức lớn cho ta rồi. Trong niêm hỷ lạc phát xuât tận đáy lòng như vậy9 ngài thây yêu người vì thiếu ăn đã ba ngày, ngài liền ra khỏi am đúng lúc ngọ và ngồi trước cửa, suy y nghĩ vê tặng vật ngài đã đem cúng dường. Còn Thiên chủ Sakka nghĩ thầm: đạo sĩ Bà-la-môn này nhịn ăn đã ba ngày, yếu ớt thế kia song vẫn nhường cho ta và tìm an lạc trong việc bố thí. Trong tư tưởng vị này không còn ý định nào khác. Ta không hiểu vị ấy ao ước điêu gì và tại sao lại bô thí như vậy nên ta phải hỏi đê hiêu vị ây muôn gì và biêt được nguyên nhân việc bô thí trên.” Vì thế, Thiên chủ chờ đợi đến quá giờ ngọ và trong vẻ huy hoàng oai nghi tột bực, ngài xuất hiện trước mặt bậc Đại sĩ, sáng chói như mặt trời ban mai. Vừa đứng trước bậc Đại si, Thiên chủ hỏi: Này đạo sĩ, tại sao ngài hành trì khô hạnh trong rừng này9 xung quanh là biển mặn bao bọc với những cơn gió nóng hừng hực đang hắt mạnh vào người? Bậc Đạo sư ngâm vân kệ đâu đê giải thích vân đê này: 83. Sakka, Chúa tể của quần sinh, Trông thấy Akitti đáng kính danh, Liền hỏi: “Tại sao, này Đại sĩ, Trú đây trời hực nắng vàng hanh?" Khi bậc Đại sĩ nghe vậy và thấy vị đó chính là Sakka, ngài đáp: Ta không ước ao đạt đến những cảnh giới trên kia mà chỉ ao ước chứng đắc Chánh giác Tối thượng nên ta đã sống đời khổ hạnh ở đây. Ngài ngâm vân kệ thứ hai đê làm sáng tỏ điêu này: 84. Thân hoại, tái sanh, tử biệt trần, Mê lầm? tất cả chính đau buồn5 Thiên chủ Sakka, nay vì vậy, Ta vẫn trú đây được vạn an. Nghe những lời này, Thiên chủ Sakka hoan hỷ trong lòng và thầm nghĩ: "Vi ấy không ham thích bất cứ sinh loại hữu tình nào và vì muốn chứng đắc

Niêt-bàn nên vào an trú ở trong rừng. Ta muôn ban cho vị ây một điêu
Thế là Thiên chủ mời ngài chọn một điều ước qua lời kệ thứ ba:
85. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây lời ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
Bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ tư nói lên điều ngài ước mong:
86. Thiên chủ Sakka của chúng sanh,
Ban cho ta hưởng một ân lành,
Vợ con, vàng bạc cùng kho lúa,
Du có du, ta vẫn bất bĩnh,
Ta ước những điều tham dục ấy,
Chẳng còn trú ẩn ở tâm mình.
r A
LÚC ây, Thiên chủ Sakka vô cùng hoan hỷ? ban cho ngài thêm nhiêu đặc ân khác nữa và bậc Đại sĩ nhận lãnh, mỗi vị lần lượt ngâm một vần kệ như sau:

87. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
88. Chúa tể muôn loài chính Sakka,
An lành, ngài muôn tặng cho ta,
Ruộng, vàng, của cải, tôi đòi, ngựa,
Trâu, chó? ngay sau phải chết già,
Ta ước sẽ không còn giống chúng, 9 r
Ta mong nhược điêm ây rời ta.
89. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn5
Hãy chọn giờ đây điêu ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
90. Sakka, Thiên chủ ngự trên trần,
Ban tặng cho ta một đặc ân,
Ước chẳng nghe nhìn người độn trí,
Kẻ kia chẳng sống với ta cùng,
Chăng ham trò chuyện người vô trí,
Chẳng kết bạn cùng kẻ độn căn.
91. Kẻ ấy làm gi, Kassapa,
Cho ngài, xin hãy nói ngay ra,
Tại sao bâu bạn người vô trí,
Ngài chẳng ưa, này, hãy bảo ta?
194 KINH TIỂU Bộ

92. Hành
__ động người ngu thật ộ bạo tàn5
Buộc ràng gánh nặng chăng ai mang,
Thực hành ác nghiệp, đích mong muốn,
Nổi giận khi nghe nói thật chân,
Nó chăng biêt gì là chánh hạnh,
Nên ta không muốn kẻ ngu gần.
93. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
94. Sakka, Thiên chủ của quần sinh,
Ban tặng cho ta một phước lành,
Ta ước nghe nhìn người có trí,

Ước mong vị ấy ở cùng mình,
Ta mong đàm luận cùng người trí,
Được kết giao cùng bậc Trí minh.
95. Bậc Trí làm gì, Kassapa,
Cho ngài, xin hãy nói ngay ra,
Sao ngài ao ước nơi ngài ở,
Người trí cùng chung sông một nhà?
96. Hành động tốt lành, bậc Trí nhân,
Chăng ràng buộc gánh khô vào thân,
Chuyên tâm, bậc Trí làm ân phước,
Chẳng giận khi nghe nói thật chân,
Thông hiểu chánh hành, và bởi vậy,
Lành thay bậc Trí sống chung cùng.
97. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điêu ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hôn.
98. Sakka, Thiên chủ của quần sinh,
Ban tặng cho ta một phước lành,
Mong giải thoát ngoài vòng ái dục,
Và khi vầng nhật chiếu bình minh,
Mong chư Thánh giả du hành đến,
Đem thực phẩm thiên giới tặng mình.
99. Mong tặng nó không giảm sút dần,
Ta không hối tiếc việc ta làm,

Mong lòng hoan hỷ lúc phân phát,
Ta chọn ước kia để hưởng phần.
100. Kassapa khéo diễn chân ngôn,
Ngài nói lên lời tối thượng tôn,
Hãy chọn giờ đây điều ước nguyện,
Chọn theo mệnh lệnh của tâm hồn.
101. Sakka, Thiên chủ của quần sinh,
Ngài đã ban ta một phước lành,
Thiên chủ, xin đừng thăm viếng nữa,
Điều này khao khát tự tim mình.
102. Song các nam nhân, các nữ nhân,
Những người đang sống thật hiền lương,
Đều ước ao cùng ta diện kiến,

Việc này có tác hại gì chăng?
103. Dung mạo ngài muôn vẻ thiện toàn,
Vô cùng hoan hỷ, đại vinh quang,
Thấy ngài, xao lãng điều tâm nguyện,
Nguy hại là trông thấy Ngọc hoàng.
Thiên chủ đáp:
Thôi được rồi, thưa Tôn giả, ta quyết sẽ chẳng bao giờ viếng thăm ngài nữa.
Và vừa đảnh lễ ngài vừa xin ngài thứ lỗi? Thiên chủ ra đi. Từ đó, bậc Đại sĩ an trú tại nơi ấy suốt đời, tu tập tứ vô lượng tâm và khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.
***
Sau khi chấm dứt pháp thoại này, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:
-Vào thời ấy, Ãnanda (A-nan) là Thiên chủ Sakka và Ta chính là Trí giả
Akitti.
§481. CHUYỆN HIỀN GIẢ TAKKÃRIYA (ïakkãrìyạiãtaka) ự. IV. 242) Ta nói điên cuông tựa ênh ương... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Tỷ-kheo Kokãlika. Trong một thời an cư mùa mưa, hai vị Đại đệ tử Sãriputta (Xá-lợi-phất) và Moggallãna (Mục-kiền-liên) muốn rời hội chúng và sống độc cư nên từ giã bậc Đạo su, đi vào vương̣ quốc nơi có Kokãlika trú ngụ. Các vị đến nhà Kokãlika và nói với ông như vầy: Này Hiền hữu Kokãlika, vì chúng tôi thích sống với Hiền hữu và Hiền hữu cũng thích sống với chúng tôi nên chúng tôi muốn ở lại đây ba tháng. Vị kia hỏi:

Các Tôn giả hoan hỷ khi an trú với tiểu đệ theo cách nào? Hai vị đáp: Neu Hiền hữu không nói với ai rằng hai Đại đệ tử đang ở đây thì chúng tôi sẽ rất hoan hỷ9 đó là niềm an lạc của chúng tôi khi sống với Hiền hữu. Thê còn tiêu đệ được hoan hỷ như thê nào khi sông chung với các Tôn giả? Chúng tôi sẽ thuyêt pháp cho Hiên hữu trong ba tháng tại nhà Hiên hữu. Chúng tôi sẽ giảng giáo lý cho Hiền hữu và việc đó là niềm hoan lạc của Hiền hữu khi sống với chúng tôi. -Xin các Tôn giả Hiên huynh hãy an trú tại đây bao lâu các Hiên huynh muôn! Rồi ông dành một nơi cư trú an lạc cho các ngài. Các ngài an trú tại đó trong quả vị của các thiền chứng và không ai biết về việc các ngài an trú tại nơi ấy. Sau khi hai vị đã trải qua mùa mưa như vậy, hai vị bảo ông ấy: Này Hiền hữu, nay chúng tôi đã ở với Hiền hữu xong, chúng tôi muốn trở lại với bậc Đạo sư. Và hai vị từ giã lên đường. Ông chấp thuận cùng với hai vị lên đường đi khất thực vào một làng đối diện nơi đã ở. Sau buổi cơm, các vị Tỷ-kheo Trưởng lão rời làng ấy, còn Kokãlika từ giã các vị xong, trở về nói với dân chúng: Này các cư si, các ông thật giông loài thú hoang sơ. Đây là hai vị Đại đệ tử của đức Phật đã an cư suốt ba tháng trong một tinh xá đối diện nơi này, thế mà các ông không hay biết gì cả? nay các ngài đã đi rồi. Dân chúng hỏi: Thưa Tôn giả, tại sao ngài không nói cho chúng tôi gì cả? Rôi họ đem bơ tươi, thuôc men và y phục đên gân các vị Trưởng lão5 kính lễ các vị và nói: Bạch các Tôn giả, xin các Tôn giả tha thứ cho chúng con. Chúng con không biết các ngài là Đại đệ tử, chúng con chỉ mới biết điều ấy do lời của Tôn giả Kokãlika. Xin các ngài từ bi

đối với chúng con và nhận các thuốc men, y phục này. Kokãlika cùng dân chúng đi theo các Trưởng lão vì ông suy nghĩ: uCác Tôn giả này sống rất đạm bạc và thiểu dục, các ngài sẽ không nhận các vật dụng này rồi sẽ đem chúng cho ta." Nhtmg hai vị Trưởng lão không nhận các vật dụng ấy cho phần mình cũng không cho Kokalika, lý do là các vật ấy được cúng dường theo lời xúi giục của một Tỷ-kheo. Lúc ấy, các cư sĩ liền nói: Bạch các Tôn giả, nếu các ngài không nhận các món này, xin đến đây lần nữa để ban phước cho chúng con. Hai Trưởng lão chấp thuận hứa lời xong rồi đi về yết kiến bậc Đạo sư. Lúc bấy giờ, Kokãlika tức giận vì hai Trưởng lão không nhận vật cúng dường cho phần mình mà cũng không đem cho vị này. Còn hai vị Trưởng lão,

sau khi ở lại một thời gian ngắn với bậc Đạo sư liền chọn năm trăm Tỷ-kheo làm đoàn tùy tùng cho mỗi vị? rồi cùng cả ngàn Tỷ-kheo này du hóa khất thực đến tận xứ sở của Kokãlika. Các cư sĩ ra đường đón Tăng chúng và dẫn họ đến tinh xá trước kia cùng bày tỏ lòng ngưỡng mộ hàng ngày đối với các vị. Dân chúng cúng dường Tăng chúng cả kho lớn y phục và thuốc men. Các Tỷ-kheo đi khất thực cùng hai vị Trưởng lão phân phát y phục cho tất cả các Tỷ-kheo đã đến đây, song không chia cho Kokãlika cái nào cả9 và hai vị Trưởng lão cũng không cho ông chút gì. Kokãlika không nhận được y phục nên bắt đầu phỉ báng, mạ lỵ hai vị Trưởng lão: Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên thật tràn đầy ác dục, trước kia đã không nhận các lễ vật cúng dường nhưng nay lại nhận hết. Chẳng có gì làm thỏa mãn hai vị này cả. Các vị không thương tưởng đến kẻ khác. Nhimg hai vị Trưởng lão nhận thấy ông đang nuôi ác tâm đối với mình nên các vị cùng đồ chúng ra di, các vị cũng không muốn trở lại dù dân chúng van nài các vị hãy ở lại thêm vài ngày nữa. Lúc ấy, một vị Tỷ-kheo trẻ hỏi: Hai vị Trưởng lão sẽ không ở lại dâu, này các cư sĩ. Vị Tỷ-kheo khó tính của các ông không muốn các ngài ở lại đây. Sau đó, dân chúng đi đến gặp Kokãlika và hỏi: Thưa Tôn giả, chúng con được nghe nói Tôn giả không muốn hai vị Trưởng lão ở lại đây. Xin hãy đi ngay, hoặc là khuyên giải các ngài và đưa các ngài trở lại dây, hoặc là Tôn giả cũng đi tìm chỗ khác mà ở! Vì sợ dân chúng, vị này đi thỉnh câu các Trưởng lão. Các vị đáp: Này Hiền hữu, hãy đi về! Chúng ta không trở lại đâu! Thế là ông không thể thuyết phục hai vị, phải trở về tinh xá. Sau d6, các cư sĩ hỏi ông các Trưởng lão có trở lại nữa không. Ông đáp: Ta không thể thuyết phục các ngài trở lại được. Tại sao không, thưa Tôn giả? Và họ bắt đàu suy nghĩ chắc hẳn không có thiện Tỷ-kheo nào muốn ở đó nữa vì người này sống theo tà hạnh và họ phải tống xuất ông đi. Họ liền bảo: Thưa Tôn giả, xin đừng lại ở đây, chúng con chăng cung cập gì cho Tôn giả nữa đâu. Bị hội chúng làm ô nhục như vậy, vị ấy cầm bình bát, đắp y và đi đến Kỳ Viên. Sau khi đảnh lễ bậc Đạo sư, ông nói: Bạch Thế Tôn, các Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên tràn đầy ác dục, hai vị đang bị ác dục chế ngự. Bậc Đạo sư đáp: Này Kokãlika, đừng nói vậy, này Kokãlika, ông hãy có từ tâm đối với Xá- lợi-phất và Mục-kiền-liên5 phải biết rằng đó là các thiện Tỷ-kheo!

Kokãlika nói: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn tin tưởng hai vị Đại đệ tử của Thế Tôn, còn con thấy tận mắt hai vị đang có ác dục, hai vị có những việc riêng tư trong lòng, hai vị ấy là

các ác nhân. Người ây nói như vậy ba lân [mặc dù bậc Đạo sư đã ngăn cản] rôi đứng dậy ra đi. Ngay khi đang đi trên đường, khắp thân thể ông mọc lên các mụt nhọt bằng hạt cải9 sau lớn dần bằng hạt cây vilva chín muồi, vỡ ra, máu chảy khắp người. Ông rên rỉ ngã xuống bên cổng ở tinh xá Kỳ Viên, đau đớn điên cuồng. Bỗng có tiếng kêu lớn vang dội đến cõi trời Phạm thiên: Kokãlika đã phỉ báng hai vị Đại đệ tử. Rồi một vị Phạm thiên ten là Tudu, biết được chuyện này, xuất hiện với ý định hòa giải các Tỷ-kheo liền bảo trong lúc đứng vững trên không: Này Kokãlika, ông đã làm một việc ác, vậy hãy đi giảng hòa với hai vị Đại đệ tò! '

Người ấy hỏi: Hiền hữu là ai thế? Vị thần kia đáp: Ta là Phạm thiên Tudu. Người này lại bảo: —Ngài đã chẳng phải được đức Thế Tôn tuyên bố ngài là một vị Bất lai đó sao? Chữ ây có nghĩa là một vị không trở lại đời này nữa. Ngài sẽ trở thành một con quỷ trên đông phân đây. Ông lại mạ lỵ vị Đại Phạm thiên như vậy. Vì không thể thuyết phục người ấy theo lời khuyên của minh, vị Phạm thiên đáp: Ông sẽ bị hành hạ theo khẩu nghiệp của ông. Sau đó, vị thân ây trở vê cối an lạc của ngài. Còn Kokãlika chêt đi liên tái sanh vào địa ngục Hoa Sen. Việc người này bị tái sanh tại đó được vị Đại Phạm thiên chủ đầy oai thần Sahampati (Ta-bà chủ) trình đức Như Lai và bậc Đạo sư kể lại cho các Tỷ-kheo. Trong pháp đường, Tăng chúng bàn luận vê ác tâm của người ây: Này Hiền hữu, Kokãlika đã phỉ báng Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả Mục-kiên-liên, và vì lời nói phát xuât từ chính miệng kia mà vị ây đã bị đọa xuống địa ngục Hoa Sen. Bậc Đạo sư bước vào và hỏi: Này các Tỷ-kheo9 các ông đang nói chuyện gì trong lúc ngồi đây? Tăng chúng trình Ngài. Ngài bảo: Này các Tỷ-kheo? đây không phải là lần đầu tiên Kokãlika bị hủy hoại vì

chính khẩu nghiệp và bởi chính do miệng mình nên phải bị đày đọa khổ sở mà trước kia cũng vậy. Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, vị tế sư của vua có màu da ngăm ngăm đen và mất hết cả hàm răng. Bà vợ của ông thông gian với một vị Bà-la-môn khác. Vị sau này cũng giông như vị trước. Nhiêu lân vị tê sư cô tìm cách ngăn cản vợ mình nhưng không thể được. Rồi ông suy nghĩ: "Bấy là kẻ thù của ta, ta không thể chính tay giết được mà ta phải lập mưu kế giết nó di." Thế là ông đến yết kiến vua và tâu: -Tâu Đại vương, kinh thành của Đại vương là kinh thành trọng yếu nhất trong toàn cõi Diêm-phù-đề. Đại vương là vị vua cao trọng bậc nhất, nhimg dù Đại vương là vị vua thủ lãnh, hoàng môn phía Nam của Đại vương lại có điềm xấu, nó được xây theo kiểu xui xẻo. Được rồi, này tế su, ta phải làm gì? Xin Đại vương đem may mắn cho nó và chỉnh trang nó. Vậy phải làm gì đây? Ta phải hạ cổng cũ xuống, lấy loại gỗ mới có dấu hiệu may mắn, lập tế đàn cúng các vị thân canh giữ hoàng thành rôi xây hoàng môn theo cách kêt hợp tốt lành của các vì sao. Khanh hãy làm như vậy! Vào thời ấy, Bồ-tát là một trang nam tử tên là Takkãriya đang học tập với vị tế sư này. Bấy giờ, vị tế sư ra lệnh hạ cổng thành cũ xuống làm cổng mới cho sẵn sàng, khi đã xong xuôi, ông vào tâu trình vua: Tâu Đại vương, cổng thành đã xong, ngày mai lại có sự kết hợp tốt lành của các tinh tú. Vậy trước khi ngày mai trôi qua hết, ta phải làm tế lễ và dựng cổng thành mới. —Được rôi, này tê sư, phải

cân tê lê như thê nào? -Tâu Đại vương, đại hoàng môn đang được các đại thần linh chiếm cứ và bảo vệ. Vậy phải giết một Bà-la-môn có da ngăm ngăm đen và không có răng, thuân chủng cả hai bên cha mẹ9 lây máu thịt vị đó đem ra tê lê, thân thê đặt phía dưới và cổng dựng lên trên đó. Vị ấy sẽ đem lại vận may cho Đại vương cùng cả kinh thành này. Được lăm, này tê sư, hãy tìm một Bà-la-môn như vậy mà giêt đi rôi dựng hoàng môn lên trên đó! r r Vị tê sư rât hoan hỷ, ông bảo: —Ngày mai ta sẽ trừ khử được kẻ thù của ta rôi!

y y 9 @ Lòng đây hăng hái, ông trở vê nhà nhimg không thê giữ yên cái miệng được liền nói ngay với vợ: -Này mụ già xâu xí kia, rôi mụ sẽ còn ai đê hú hí nữa chứ? Ngày mai ta sẽ giết tình lang của mụ và đem tế lễ đấy! -Tại sao ông muôn giêt người vô tội? Đức vua ra lệnh cho ta giết một Bà-la-môn có da ngăm đen và dựng cổng thành lên người đó. Tình lang của mụ da cũng ngăm ngăm đen nên ta định giết r Ạ JẠ 1A nó đê tê lê. Bà vợ liền gởi cho tình quân một lá thư nhắn nhủ: "Chúng bảo đức vua muôn giêt một Bà-la-môn da ngăm ngăm đen đê tê lê. Vậy nêu chàng muôn cứu lấy mạng mình xin hãy lo đào tẩu kịp thời, đem theo cả những người nào giống như chàng nữa." Người kia làm theo như vậy? tin đó lan khắp kinh thành, và những người nào có màu da đen đều tẩu thoát cả. Vị tế sư không hề biết gì vê việc kẻ thù đã chạy trôn. Sáng hôm sau vào yêt kiên vua thật sớm và tâu: -Tâu Đại vương, trong chỗ kia có một Bà-la-môn da ngăm ngăm đen, xin cho bắt nó lại. Vua bảo vài người đến tìm kẻ đó5 nhưng họ chẳng thấy ai cả liền trở về thông báo cho vua răng kẻ ây đã trôn thoát rôi. Vua phán: Vậy hãy tìm nơi khác! Họ lục soát khắp kinh thành nhưng chẳng tìm được ai. Vua phán: -Phải kiếm thật nhanh lên! Họ đáp: -Tâu Đại vương, ngoại trừ vị tế su, chẳng còn ai khác nữa. Vua phán: -Tê sư không thê đem ra giêt được. -Tâu Đại vương, Đại vương đã phán bảo điều gì vậy? Theo lời tế sư này, nếu cổng thành không được dựng hôm nay thì kinh thành sẽ gặp nguy hiểm. Khi vị tế sư giải thích việc này, ông ta để ngày này trôi qua thì giờ tốt không trở lại nữa cho đên cuôi năm. Kinh thành này không có công suôt một năm ròng là cơ hội ngàn vàng cho kẻ thù của chúng ta. Chúng ta phải giết một người nào đó và làm tế lễ nhờ sự trợ lực của một vị Bà-la-môn Hiền trí rồi dựng cổng thành. Nhưng có vị Bà-la-môn nào đủ tài trí như sư phụ ta chăng? -Tâu Đại vương, có đồ đệ của vị ấy, một nam tử tên là Takkãriya, xin hãy phong vị ấy làm Tế sư và cử hành lễ Cát tường này! Vua liền triệu vị nam tử ấy vào, ban cho chàng vinh hiển và phong chàng làm Tế sư rồi ra lệnh làm mọi sự như đã nói. Vị nam tử ấy đi đến hoàng môn với một đám đông theo sau. Nhân danh Hoàng dế, họ trói vị tế sư cũ và đem đến. Bậc Đại sĩ bảo đào một cái hố tại nơi hoàng môn sắp được dựng lên, che

một cái lều lên trên đó cùng với sư phụ bước vào lều. Vị tế sư ấy nhìn cái hố? thẩy không lối nào thoát lien bảo bậc Đại sĩ: Mục đích của ta đã thành đạt, ta thật là một kẻ ngu si, ta đã không biết giữ mồm giữ miệng cho yên mà lại hấp tấp nói với mụ đàn bà độc ác kia. Ta đã tự sát bằng chính binh khí của ta. Rồi ông ngâm vàn kệ đầu: 104. Ta nói điên cuồng tựa ễnh uơng, Trong rừng gọi rắn, ngã nhào luôn, Vào trong h& thật vậy

Takka h&i, Lời nói phi thời phải tiếc thương! Sau đó, vị nam tử đáp lời ông và ngâm vân kệ này: 105. Người nói phi thời phải diệt vong, Như vầy than khóc với đau buồn, Xin thầy tự trách mình nay phải, Nhận lỗ đào này, ấy hố chôn. Cùng với lời ấy, ngài nói thêm: Thưa sư phụ, không phải chỉ mình sư phụ mà nhiều người khác nữa, đã phải chịu khổ đau vì không biết phải giữ lời nói cho kỹ. Nói vậy xong, ngài kể một chuyện quá khứ để minh chứng điều đó. ***

CHUYỆN KỸ NỮ KÃLĨ Chuyện kê răng, ngày xưa tại Ba-la-nại có một cô kỹ nữ sang trọng tên là Kãlĩ, nàng có một người anh tên là Tundila. Trong một ngày, Kãlĩ có thể kiếm cả ngàn đồng tiền. Bấy giờ, Tundila là một gã trác táng, nghiện rượu, mê cờ bạc, hễ nàng cho gã tiền thì gã có được bao nhiêu tiền đều phung phí hết. Nàng cố sức ngăn cản gã nhưng không thể được. Một hôm, gã thua bài xúc xắc phải mât cả áo quân đang mặc trên mình. Gã ỉ -í Ấ vừa mang quanh mình một tâm khô rách vừa đi đên nhà em gái. Nhưng nàng đã ra lệnh cho các tỳ nữ răng, nêu Tundila có đên thì bọn họ không được cho gã cái gì cả mà phải lôi cổ gã quẳng ra ngoài. Vì thế, họ đã làm đúng như vậy. Gã liền đứng lại bên thềm và kêu than. Bây giờ, có con trai một phú thương nọ thường vân cho Kãlĩ cả ngàn đông tiền? hôm ấy tình cờ gặp gã liền hỏi: -Tại sao lại khóc lóc vậy, Tundila? Gã đáp: Thưa công tử, tôi đã thua bài xúc xắc, đến cầu xin em tôi, bọn nữ tỳ lại năm lây cô tôi lôi ra ngoài.

Được rồi, cứ ở lại đây, ta sẽ nói chuyện với em gái cậu. Chàng vào nhà bảo: -Anh của nàng đang đứng đợi ngoài kia, chỉ mặc khố rách che thân. Tại sao nàng không cho anh áo quần mặc? Nàng đáp: Đúng vậy, thiếp chẳng muốn cho gì cả9 nếu chàng thích anh ta thì chàng cho đi. Bây giờ, trong ngôi nhà mang tai tiêng xâu xa kia có tục lệ như vây: "Cứ mỗi một ngàn đồng tiền nhận được thì năm trăm đồng được dùng cho bọn nữ nhân, năm trăm đông đê mua săm xiêm y, dâu thơm và vòng hoa. Bọn khách làng chơi đến đây nhận áo quần mặc vào, ở lại đêm tại đó? rồi ngày hôm sau cởi áo quần ấy ra trả, mặc quần áo của mình và ra đi. Trong dịp ấy, con trai vị phú thương mặc áo quần mà bọn họ đưa cho chàng và đem áo quần của chàng cho Tundila. Gã ấy mặc áo quần vào, vừa la hét vừa chạy đến tửu quán. Nhimg nàng Kãlĩ ra lệnh cho bọn nữ tỳ rằng khi chàng trai ra về ngày hôm sau, họ phải lây lại áo quân. Vì vậy, khi chàng bước ra, bọn họ chạy đên từ khắp nơi như bọn cướp, lột hết áo quần trên thân của chàng trần như nhộng, rồi bảo: - Công tử hãy ra về đi! Họ tông khứ chàng ta như vậy. Chàng ra đi trân truông, bị mọi người chê giễu. Chàng ta hổ thẹn than khóc: -Đây chính là việc ta gây ra vì ta không giữ được môm miệng! Để làm sáng tỏ vấn đề này, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ ba: 106. Tại sao lại hỏi chuyện Kãlĩ, Cư xử thế nào với Tundi? Gặp phải tay em, chàng hãy ngăm, Áo quần ta đã biến bay di, Ta đành trần trụi, như tai vạ Xảy với thầy, sao thật quái kỳ! *** CHUYỆN CHIM ĐUÔI CHĨA Một người khác lại kể chuyện này: Do sự bất cẩn của người chăn dê, hai con dê đực đánh nhau trên đồng cỏ ở Ba-la-nại. Trong lúc đang hăng máu, có một con chim đuôi chĩa nghĩ thầm: "Chúng sẽ vỡ đầu ra mà chết mất, ta phải ngăn cản chúng mới được!^ Thê là nó cô găng ngăn cản băng cách kêu la: -Chú ơi, đừng đánh nhau nữa! Nó chẳng nghe chúng nói gì đáp lại. Ngay giữa

trận đánh, nó nhảy lên limg

trước, rồi sau nhảy lên đầu, van xin chúng dừng lại nhưng chẳng được gì. Cuối cùng, nó kêu to: -Thế thì cứ đánh nhau đi nhưng giết tôi trước đã! Và nó đứng chen vào giữa hai cái đầu dê. Chúng vẫn tiếp tục húc nhau văng ra xa. Con chim bị nghiên nát như thê bởi cái chày và chịu hủy hoại do chính hành động của nó. Để giải thích việc này, bậc Đại sĩ ngâm vàn kệ thứ tư: 107. Chim đuôi chĩa vội đến bên sườn, Hai chú ? dê rừngA lúc đả thương,r DÙ chăng dự phân trong trận dâu, Hai đầu dê nghiến nát như tương, Ngay liên tại chô như thây vậy5 Số phận chim kỳ quái lạ thường! *** CHUYỆN CÂY CỌ DỪA Một chuyện khác nữa: Gần một cây cọ dừa kia, bọn chăn bò cất giấu nhiều của cải. Dân chúng Ba-la-nại thấy cây đó liền cho một người leo lên cây hái quả. Trong lúc gã đang ném quả xuông thì một con răn hô đen bò ra từ một ô mối bắt đầu leo lên cây, bọn người đứng phía dưới cố xua đuổi nó bằng gậy, đá, v.v... nhung không được nên kêu lớn gọi người kia: -Con rắn đang bò lên cây! Gã ấy kinh hoảng hét lớn. Những người đứng dưới lấy tấm vải thô cầm bốn góc, bảo gã kia ngã vào tâm vải. Gã gieo mình xuông, rơi vào chính lòng tâm vải giữa bốn người kia nhanh như gió, khiến bọn người ấy không giữ gã được, phải đập đầu vào nhau mà chết. Để giải thích việc này, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ năm: 108. Bốn người muốn cứu mạng anh chàng, Bốn góc cầm chung một tấm màn, Bọn chúng vỡ đâu ra chêt tiệt, Như thầy, thật quái lạ kinh hoàng! *** CHUYỆN CON DÊ CÁI Đám người khác lại kể chuyện này: Một bọn ăn trộm dê sống ở Ba-la-nại, một đêm kia bắt được một con dê cái? định làm một bữa chè chén trong rừng. Đê dê khỏi kêu5 chúng bịt mõm nó và cột vào một bụi tre. Hôm sau, khi chúng đến giết con dê5 chúng quên mất con dao phay.

Chúng bảo nhau: Này, chúng ta hãy giết dê rồi nấu! Hãy đem con dao phay ra đây! Nhưng chẳng ai có dao. Nếu không có dao thì chúng ta không thể nào ăn thịt nó được, dù chúng ta có giết chết nó. Thôi thả nó ra, việc này cũng do phước phần nào đó của con dê đây. Vì thế, chúng thả dê ra. Bấy giờ, tình cờ có người thợ tre đến trước đó lấy một bó tre. Gã đê quên một con dao của người đan rô5 đem giâu dưới đám lá? định khi trở về sẽ lấy dùng. Nhimg con dê tưởng mình đã thoát thân nên bắt đầu vui chơi nhảy nhót dưới bụi tre, lấy chân sau đánh đá làm sao mà con dao rớt ra. Đám ăn trộm nghe tiếng dao rớt, chạy đến nơi thấy việc như vậy vô cùng mừng rỡ5 thế rồi chúng giết de ăn thịt. Như vậy, để giải thích việc con dê đã tự giết mình bằng chính hành động của nó như thế nào5 bậc Đại sĩ ngâm vần kệ thứ sáu: 109. Dê cái cột trong bụi trúc dày5 Nhảy quanh làm rớt một dao phay, Cô dê chúng căt băng dao ây, Kỳ quái, dê kia giống hệt thầy! Sau khi kể chuyện này, ngài giải thích: Song còn những kẻ dè dặt trong lời nói5 biết giữ gìn ngôn ngữ, thường thoát khỏi số phận chết chóc đau thương. Rồi ngài kể một chuyện thần tiên của loài kinnara.8 ***

CHUYỆN ĐÔI CA THẦN Chuyện kể rằng, một thợ săn sống ở Ba-la-nại, một bữa nọ vào vùng Tuyết Sơn, bằng cách nào đó đã bắt được một cặp tiên núi, gồm một tiên nữ và

lang quân của nàng, rôi đem vê dâng vua. Vua chưa bao giờ thây loài hữu tình này cả. Vua hỏi: -Này thợ săn, chúng là loài gì? Tâu Chúa thượng, chúng có thể hát êm tai và nhảy múa rất đẹp mắt, không có con người nào có thể ca múa hay bằng chúng được. Vua ban thưởng gã thợ săn ây rât hậu hi, rôi ra lệnh cho đôi tiên ca múa. Song hai vị nghĩ: “Nếu chúng ta không diễn tả đầy đủ ý nghĩa bài ca thì bài ca sẽ that bại, hội chúng sẽ mạ lỵ và làm thương tôn chúng ta, và hơn nữa, người nào nói nhiều thường hay nói d8i." Vì thế, sợ phải dối trá này kia, hai

8 ỉpiẩn-na-la P. Kinnara, s. Kirimara,,một loại phi cầm có đầu giống người ,là ca thần của Thiên chủ Sakka.

vị không múa hát dù vua nài nỉ thế nào cũng mặc. Cuối cùng, vua nổi cơn thịnh nộ và bảo:

Hãy giết bọn này, đem nấu và dâng cho ta dùng!

Vua ban lệnh này qua vần kệ thứ bảy:

110. Bọn này đây chăng phải là tiên,
Cũng chẳng nhạc thần của cõi thiên,
Là thú do người kia dẫn đến,
Vì mong kiếm một túi đầy tiền,
Vậy bây hãy nấu, ta dùng tối,
Một dứa, rồi mai một đứa liền!

Lúc ấy tiên nữ nghĩ thầm: "Bậy giờ vua nổi giận9 chắc chắn ngài sẽ giết chúng ta. Vậy đây là lúc nên n6i" và lập tức nàng ngâm vần kệ:

111. Mười vạn khúc ca biểu diễn lầm,
Chẳng bằng một mảy khúc kỳ âm,
Hát tồi có tội nên tiên chúng,
Chẳng dám làm [không bởi hận tâm].

Vua rất hoan hỷ vì tiên nữ, lập tức đáp vần kệ:

112. Hãy để nàng đi, bởi nói rồi,
Cho nàng thấy lại Tuyết Sơn thôi,
Song bây hãy bắt chàng kia giết,
Bảo nấu, ta dùng bữa sáng mai!

Trong lúc ấy, vị tiên kia suy nghĩ: "Nếu ta giữ yên mồm, chắc chắn vua sẽ giết ta, vậy đây là lúc phải n6i.” Và chàng ngâm vần kệ nữa:

113. Trâu bò trông cậy đám mây trời,
Trông cậy bò trâu ây mọi người,
Còn phận tôi nương nhờ Chúa thượng,
Hiền thê này lại dựa vào tôi,
Xin ngài đoán số phần chàng nọ,
Trước lúc chàng quay lại núi đôi.

Khi chàng nói lời này xong, chàng ngâm hai vân kệ nữa đê nói rõ cho vua rằng hai vị yên lặng không phải vì không muốn tuân lệnh vua, song vì hai vị nghĩ rằng nói là sai lầm:

114. Khác người khác cách, tấu Minh quân,
Tránh lỗi cho mình thật khó khăn,
Điều được kẻ này khen tốt đẹp,
Kẻ kia lại thấy đó sai lầm.
115. Có người cho tất cả điên cuồng,
Tưởng tượng mỗi người vẫn khác luôn,

Thật khác nhiều người nên lắm ý?
Ý người chẳng có luật thông thường.
Vua phán:
Chàng ta nói đúng sự thật, đó quả là một vị tiên khôn ngoan.
Vì thê vua rât hoan hỷ9 ngâm vân kệ cuôi cùng:
116. Đôi vợ chồng tiên giữ lặng thinh,
Nay chàng cât tiêng bởi hôn kinh,
Bình an, hạnh phúc, tha chàng bước, vẫn biết lời hay tạo phước lành.
Sau đó, vua đặt đôi tiên núi vào chiếc lồng vàng, truyền đưa người thợ săn . ỉ vào? bảo gã thả hai vị ra ở nơi trước kia gã đã băt. Bậc Đại sĩ nói thêm: Này sư phụ, đôi tiên núi biết phòng hộ lời nói như trên và nhờ nói đúng thời nên được thả tự do vì nói năng khéo léo, còn thầy do nói năng sai lạc mà phải chịu đại họa. Rồi sau khi so sánh cho vị tế sư thấy rõ như thế, ngài an ủi ông: Xin sư phụ đừng sợ? con sẽ cứu mạng sư phụ. Vị kia hỏi: -Còn có cách nào chăng? Làm thê nào con cứu ta được nữa? Ngài đáp: Vì chưa đên đúng lúc các hành tinh gặp gỡ. Ngài để cho ngày ấy trôi qua, vào canh giữa đêm (canh ba) liền đem đến đó một con dê đã chet và nói: Xin thầy muốn đi đâu thì đi mà sinh sống. Rôi ngài thả cho ông đi ngay, chăng hê có ai hay biêt gì cả. Còn ngài làm tê lê với thịt dê ây xong dựng công thành trên đó. *** Khi bậc Đạo sư đã chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo: -Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Kokãlika bị hủy hoại vì chính lời nói của mình mà ngày xưa cũng thế nữa. Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Kokãlika là người tế sư da ngăm ngăm đen, còn Ta là Trí giả Takkãriya.

§482. CHUYỆN Lộc VƯƠNG RURU (Rurujãtakdỷ ụ. IV. 255) Ai mang tin bảo trâm vê nai... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Có người bảo vị ấy: Bậc Đạo sư đem lại thật nhiều lợi ích cho hiền hữu, này Hiền hữu Đề- bà-đạt-đa. Hiền hữu đã thọ Đại giới từ đức Như Lai? Hiền hữu đã học với Ngài Tam tạng Kinh điển, Hiền hữu đã nhận được nhiều lợi dưỡng và danh vọng. Khi những điều như vậy được nói, người ta thường nghe thuật lại một cách đáng tin cậy là vị ây sẽ trả lời: Không đâu Hiên hữu, bậc Đạo sư chăng làm gì lợi lạc cho ta dù chỉ

băng một cọng cỏ. Ta đã thọ Đại giới của chính ta? ta tự học Tam tạng Kinh điển, ta nhận được lợi dưỡng và danh vọng do từ bản thân ta chứ không nhờ ai cả. Trong pháp đường, Tăng chúng nói về việc này: Đê-bà-đạt-đa thật là vong ân bội nghĩa, này Hiên hữu, và lại quên cả thân tình. j Bậc Đạo sư bước vào và muốn biết Tăng chúng đang bàn luận gì khi ngồi đó. Cac vị trình với Ngài. Ngài bảo: -Này các Tỷ-kheo, nay không phải là lần đầu Đề-bà-đạt-đa vong ân bội nghĩa mà trước kia kẻ ấy cũng đã vô ơn. Thuở xưa, kẻ ấy đã được Ta cứu mạng nhxmg kẻ ây không biêt công đức to lớn của Ta. Nói vậy xong, Ngài kê lại một câu chuyện quá khứ. *** Một thuở nọ5 khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, có một vị đại phú thương có tài sản tám trăm triệu chỉ sinh được một con trai đặt tên là Mahãdhanaka (Đại Phú Ông). Nhung ông không dạy cho con việc gì cả, ông bảo: -Con trai ta sẽ thấy việc học làm mệt mỏi tấm thân mà thôi. Ngoài việc múa ca, ăn uông, tiệc tùng, cậu ta chăng biêt việc gì cả. Khi cậu khôn lớn, cha mẹ cưới cho cậu một cô gái xứng đôi với cậu? rồi cả hai vị qua đời. Sau khi song thân mất đi, cậu bị nhóm người chơi bời phóng đãng, rượu chè cờ bạc vây quanh nên đã tiêu hết tài sản một cách hoang phí. Lúc đó? cậu phải vay tiền rồi không trả nổi, bị chủ nợ thúc đòi. Cuối cùng, cậu nghĩ: "Đời ta còn nghĩa lý gì với ta nữa? Ta đang bị biến thành một con người khác rồi, thà chết sướng hơn.” Sau đó, cậu bảo đám chủ nợ: Hãy đem các giấy nợ đến dây, ta có cả một gia bảo chôn ở bờ sông Hằng, các ông sẽ được phần đó! Họ cùng đi với cậu. Cậu làm như thể chỉ chỗ đây đó là nơi chôn gia sản [lúc

9 Xem Cp. 87, Rurumigarāḷacariya (Hạnh của con nai chúa Rurù).

đó cậu CÓ ý định nhảy xuống sông trầm mình] và cuối cùng cậu ta nhảy xuống sông Hăng. Trong lúc nước xoáy cuôn cậu đi ra, cậu kêu to lên đây kinh hoảng. Lúc bây giờ, Bô-tát sinh làm một con nai chúa và sau khi rời đàn, hiện đang trú ẩn tại một khúc sông, chỉ riêng mình nai trong đám cây sãla chen lẫn cây xoài ửổ hoa rất đẹp. Lớp da trên mình nai có màu vàng óng ả láng mượt, bàn chân trước và bàn chân sau đỏ như thể nhuộm son, cái đuôi giống như cái đuôi bò rừng, cặp sừng như hình xoắn ốc bằng bạc, đôi mắt nai tựa hồ đôi hạt minh châu lóng lánh, khi nai quay mõm về hướng nào thì trông chẳng khác quả cầu bằng vải đỏ. Vào khoảng nửa đêm, nai nghe tiếng kêu thê thảm ấy liên nghĩ thầm: "Ta nghe tiếng người kêu. Trong lúc ta đang sống đây, người ấy không phải chết! Ta sẽ cứu mạng người ấy." Rời khỏi chỗ ẩn nấp trong bụi cây5 nai bước xuống bờ sông và gọi to bằng giọng nói an ủi: _ Này người kia, đừng sợ, ta sẽ cứu anh sống! Rôi nai rẽ dòng nước mang cậu lên bờ? đên tận nơi nai trú ân. Suôt hai ba ngày liền, nai săn sóc và cho cậu ăn trái cây rừng. Sau đó? nai bảo cậu: -Này người kia, ta sẽ mang anh ra khỏi rừng và đặt anh trên đường cái đến Ba-la-nại? anh sẽ trở về bình an. Xong ta yêu câu anh đừng bị lòng tham tiền bạc lôi kéo mà báo cho vua hay một nạrời quyền thế nào đó biết là trong chỗ kia có một con nai vàng óng cần phải bắt đấy. Người kia hứa giữ lời và Bồ-tát sau khi được hứa rồi liền để cậu ta trên limg và đưa ra đường cái9 hướng về thành Ba-la-nại rồi trở về đường cũ. Vào ngày cậu ta đi vê thành Ba-la-nại, hoàng hậu mệnh danh Khemã (Thái Hòa) nằm mộng về sáng thấy một con nai màu hoàng kim thuyết pháp cho bà nên bà suy nghĩ: "Nếu không có một nai

thần như thế này thì chăc hẳn ta đã không nằm mộng thấy ngài. Hẳn nhiên phải có một vị như vậy nên ta muốn thông báo việc này với đức vua." Sau d6, bà đến yết kiến vua và thưa: -Tâu Đại vương, thần thiếp đang mong mỏi được nghe bài thuyết pháp của một con nai hoàng kim, làm được việc ấy thiếp mới sống? nếu không thiếp chẳng thiết sống nữa. Vua an ủi bà và bảo: Nếu có một con vật như thế sống trong cõi trần gian này thì Ái khanh sẽ được toại nguyện. Rồi vua triệu các Bà-la-môn vào và hỏi: -Có loài vật nào như loài nai hoàng kim chăng? -Tâu Đại vương, có. Vua liên đặt một túi tiên mười ngàn đông tiên vàng đựng bên trong một cái hộp bằng vàng lên lưng một con voi đã được trang điêm thật lộng lẫy: “Bất kỳ ai được tin về một con nai hoàng kim thì vua sẽ chấp thuận trao cho người đó

túi tiền mười ngàn đồng tiền vàng này cùng chiếc hộp bằng vàng và cả con voi ấy nữa hoặc một con khác tốt đẹp hơn." Vua ra lệnh khắc một vần kệ trên một phiến vàng, giao cho một viên quan trong triều và bảo vị ấy nhân danh vua hát vần kệ ấy lên giữa dân chúng toàn thành. Sau đó, vua ngâm vần kệ đầu trong chuyện tiền thân này: 117. Ai mang tin báo trẫm về nai, Tối thượng lộc vương của cả loài, Ai được trẫm ban phần thưởng quý, Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi? Viên triều thần mang phiến vàng ấy đi công bố khắp kinh thành. Vừa lúc ấy, con trai của vị phú thương đi vào Ba-la-nại, khi nghe lời công bố ấy, cậu đến gần viên quan và nói: Tiểu sinh có thể đưa tin về một con nai như vậy? các ngài hãy dẫn tiểu sinh vào yết kiến đức vua! Viên quan liên xuông voi, dân cậu vào yêt kiên vua và tâu: -Tâu Đại vương, người này có thể đưa tin tức trình Đại vương về con nai kia. Vua phán: Có đúng như vậy chăng, người kia? Cậu đáp: Tâu Đại vương, quả đúng như vậy5 xin Đại vương cho tiểu thần vinh dự đó. Và cậu ngâm vần kệ thứ hai: 118. Thần tâu Hoàng thượng biết tin nai, Tối thượng lộc vương của cả loài, Xin Đại vương ban phần thưởng quý, Ngôi làng tuyệt hảo, gái xinh tươi! Vua rất hoan hỷ khi nghe những lời này của tên phản bạn. Vua phán: Này mau lên! Phải tìm con nai này ở đâu thế? Gã đáp: -Tâu Đại vương, ở chô như vây. Và gã chỉ rõ đường đi. Cùng một đoàn tùy tùng đông đảo, vua ra lệnh tên phản bội dẫn ngài đến nơi ấy, rồi gã bảo: -Xin ra lệnh cho đoàn quân sĩ dừng lại. Khi quân sĩ đã được lệnh dừng, gã chỉ tay nói tiếp: Nơi có con nai vàng ánh ở chốn đằng xa xa kia kìa. Và gã ngâm vần kệ thứ ba: 119. Bụi cây xoài ở phía đàng xa, Cùng đám săla nở rộ hoa,

Đất tựa yên chi màu đỏ thắm, Nai này có thể được tìm ra. Khi vua nghe những lời này? ngài bảo các cận thần: -Đừng để nai chạy thoát mà phải lập tức bủa vây quanh bụi cây này, còn binh sĩ cầm binh khí trong tay. Họ làm theo lệnh ây và đông thanh la lớn. Vua cùng một sô người khác đứng riêng ra, song gã đó cũng không đứng xa mây. Bô-tát nghe tiêng kêu ây, nghĩ thầm: "Đây là tiếng thét của một đoàn người đông đảo, vậy ta phải đề phòng họ mới được.,, Ngài đứng lên và khi nhìn cả một đoàn người, ngài nhận thây nơi vua đứng, ngài nghĩ thâm: “Noi nào vua đứng, ta sẽ được bình an, vậy ta phải đến d6." Rồi ngài chạy về phía vua. Khi vua thấy ngài chạy đến liền bảo: Một con vật mạnh như voi có thê quật mọi thứ trên đường đi của nó. Ta muôn giương cung lên dọa

con nai này. Nêu nó chạy, ta sẽ băn cho nó yêu đi rồi ta mới bắt nó được. Sau đó, vua giương cung lên ngay trước mặt Bô-tát. ***

Đê giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm đôi vân kệ: 120. Nai tiến lên9 cung đã được giương, Mũi tên nằm ở sợi dây trương, Đằng xa, vì vậy nai kêu lớn, Ngay lúc nai nhìn thấy Đại vương. 121. "Đại vương, chúa tể của vương xa, Xin đứng yên và chớ bắn ta, Ai đã mang tin Hoàng thượng biết, Nơi này nai sẽ được tìm ra?" Vua say mê giọng ngọt như mật của ngài liền thả cung đứng yên chiêm ngưỡng ngài. Lúc ây, Bô-tát bước lên chô vua, nói chuyện vui vẻ với vua và đứng một bên. Cả đoàn tùy tùng cũng hạ binh khí xuống, bước lên vây quanh vua. Vào lúc ấy, Bồ-tát hỏi vua với giọng êm ái như tiếng chuông vàng rung nhè nhẹ: Ai đem tin đến cho ngài rằng nơi đây sẽ tìm được nai vàng? Vừa lúc ây, con người gian ác kia bước lại gân và đứng nghe lỏm. Vua chỉ gã và nói: -Đó là người báo tin cho trẫm. Rồi vua ngâm vần kệ thứ sáu: 122. Kẻ ác kia, bằng hữu của ta, Con người đang đứng ở đăng xa,

Mang tin nó đã cho ta biết,
Rằng ở đây nai được thấy mà.
Nghe vậy, Bô-tát trách măng người bạn phản bội kia và ngâm vân kệ thứ bảy nói với vua:
123. Nhiều người ở cối thế gian này,
Tục ngữ thường hay nói đúng thay,
"Thà vớt gỗ trôi sông còn tốt,
Hơn là cứu một kẻ như mày!"
Khi vua nghe lời kệ này liền ngâm vần kệ khác:
124. Muốn trách người có thể hỏi nai?
Là chim, là thú hoặc là ai?
Lòng ta đầy nỗi lo vô hạn,
Khi tiêng nai nghe giông tiêng người!
Đến dây, Bồ-tát đáp lại:
 Tâu Đại vương, ta không trách một thú vật hay chim chóc nào cả mà ta trách một người.
Để giải thích việc này, ngài ngâm vần kệ thứ chín:
125. Ta cứu gã kia đã một lần,
Khi gần như gã phải chìm dần,
Trên dòng chảy xiết dìm thân gã,
Vì đó nay đành phải khổ thân,
Ngài cứ đi cùng r phường r độc ác,
Ngày sau chăc chăn sẽ ăn năn.
Khi vua nghe vậy liền nổi giận lôi đình với gã kia. Vua phán:

Sao? Ngươi không nhìn nhận công đức của ngài sau một việc cứu vớt đầy nhân từ như vậy ư? Ta muốn bắn chết gã kia ngay.

Vua liên ngâm vân kệ thứ mười:

126. Ta sẽ đâm tên bốn cánh này,
Xuyên vào tim nó, bỏ thân ngay,
Ác nhân này đã đầy tâm phản,
Chẳng đội ơn sâu cứu giúp vầy!

Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ: "Ta không muốn nó chết vì ta" nên ngài ngâm vần kệ thứ mười một:

127. Người ngu đáng thẹn, tấu Minh quân,
Song việc giết người, bậc thiện nhân,
Chẳng tán thành, xin tha kẻ khốn,
Và ban cho gã thưởng toàn phần,
Những gì ngài hứa, còn ta sẽ?
Phục vụ Quân vương những lúc cần.

Vua hoan hỷ khi nghe lời này nên ngâm vần kệ tiếp để tán thán ngài: 128. Nai này quả thật có lòng nhân, Không trả hận sân với hận sân, Tống gã hèn ngay! Ta thưởng nó, Làm tròn lời hứa đã từng ban, Còn nai đi đến nơi tùy V Xin chúc ngài luôn được vạn an! Nghe lời này? Bồ-tát đáp: Tâu Đại vương, người ta có thể miệng nói một đường mà làm một nẻo. Và ngài ngâm hai vân kệ đê giải thích điêu đó: 129. Tiêng loài sơn câu, tiêng chim muông, Thường cũng dễ dàng được cảm thông, Còn tiếng người đời tuy rõ thế, Vô cùng khó hiểu, tẩu Quân vương! 130. Con người thường nghĩ: "Bạn thân mình, Quyến thuộc là đây, bạn chí tinh.” Tuy thế tình thân thường biến mất, Oán thù, căm hận lại dàn sinh. Khi vua nghe lời này, ngài đáp: Này lộc vương, xin đừng nghĩ rằng ta thuộc loại người như vậy. Vì ta quyết sẽ không chối từ đặc ân mà ta đã ban cho ngài, dù ta có mất cả quốc độ vì chuyện đó. Hãy tin tưởng vào ta! Rồi vua cho ngài chọn điều ước. Bồ-tát nhận đặc ân này và ước mong rằng tất cả các loài vật từ chính ngài trở đi đều được bình an thoát khỏi mọi tai họa. Vua thuận cho ngài điều ước ấy rồi đem ngài về thành Ba-la-nại, và sau khi trang hoàng cả kinh thành lộng lây, lại tô điêm luôn cả Bô-tát nữa. Vua mời ngài thuyết pháp cho bà chánh hậu9 sau đó vua và triều đình nghe bằng thứ tiếng của loài người ngọt ngào như mật. Ngài khuyến giáo vua hành trì thập vương pháp (mười đức tính của vị minh quân) và khích lệ hội chúng đông đảo ấy xong liền trở vê chôn núi rừng nơi ngài sông chung với bây nai. Vua ra lệnh đánh trống khắp kinh thành cùng lời loan báo: Hoàng thượng bảo vệ mọi loài thú vật! Từ đó về sau, không ai dám giơ tay giết hại thú vật hay chim muông cả. Nhimg nhiều đàn nai phá hoại mùa màng của người và không ai đủ sức xua đuôi chúng đi. Một đám đông tụ tập trước sân châu, kêu than với vua. *** Để làm sáng tỏ việc này, bậc Đạo sư ngâm vần kệ sau:

131. Dân thành thị theo với tiện dân, Đêu đi thăng đên tâu vương quân, "Bàn nai ăn hết mùa màng cả? Chúa thượng, việc này phải cản ngăn?9 Nghe vậy, vua ngâm đôi vần kệ: 132. Dân chúng dù mong muốn hoặc không, Ví dù đất nước trẫm tiêu vong, Trẫm không thể hại đàn nai được, Trẫm hứa cho nai sống vẹn toàn. 133. Thần dân có thể bỏ rơi ta, Hủy bỏ vương quyên của thê gia, Lời ước ta đà ban lộc chúa, Ta không hề chối bỏ đâu mà. Dân chúng nghe lời vua phán bảo, thấy mình không thể nói gì được nữa? đành ra về. Lời vua phán lan ra khắp nơi. Bồ-tát nghe được tin ấy liền tập hợp cả đàn nai lại và ra lệnh cho chúng: -Từ nay vê sau, các con không được phá hoại mùa màng của loài người nữa. Ngài đã gởi thông báo cho dân chúng hay rằng mỗi người phải dựng một tấm bảng hiệu lên vùng đất của mình. Dân chúng làm theo và nhờ dấu hiệu ấy cho đến nay, loài nai không phá hoại mùa màng nữa. *** Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo: Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa vong ân bội nghĩa. Rồi Ngài nhận diện tiền thân: -Vào thời ấy, Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là con trai nhà phú thương, Ãnanda (A-nan) là vua và Ta chính là nai chúa.

§483. CHUYỆN Lộc VƯƠNG SARABHA (Sarabhamigajâtakà)yồ ự. IV. 263) Cứ hy vọng, người ơi, là bậc Trí... Chuyện này bậc Đạo sư kể trong khi trú tại Kỳ Viên để giải thích đầy đủ một câu hỏi do Ngài nêu ra một cách tổng quát cho vị Tướng quân Chánh pháp (Sãriputta).

10 Xem J. I. 267, Níahãsĩlavcỳãtaka (Chuyện Vua Sĩlavã vĩ đại), số §51; J. VI. 35, Mahãjanakajãtaka (Chuyện Đại vương Mahậịanaka), sô §539; J. V. 21, Jayaddỉs(ỳătaka (Chuyện Vượng tử Jayaddisa), số §513; Dh. V. 337; Thag. V. 399; Mỉln. 172, Rukkhacetanabhavapanha (Câu hỏi về ban thể suy tư của cây cốiÝ Pháp củ kinh dục phẩm,, (7.04. 0210.32. 0570cl6); Xuất diệu kinh “Ai pham,, (T.04. 0212.3. 0632b21).

Vào thời ấy, bậc Đạo sư nêu vắn tắt câu hỏi với Trưởng lão ấy. Đây là câu chuyện đầy đủ chi tiết về nguồn gốc của một số chư thiên. Khi Tôn giả Pindolabhãradvậj a dùng thần thông để lấy được cái bình bát bằng gỗ chiên-đàn trước sự hiện diện của vị đại phú thương ở thành Rajagaha (Vương Xá), bậc Đạo sư cấm các Tỷ-kheo sử dụng thần thông lực. Lúc ấy, các Tỷ-kheo ly khai Giáo hội suy nghĩ: "Sam6n Gotama đã cấm sử dụng thần thông lực. Nay chính vị ấy cũng sẽ không sử dụng thần thông lực nữa." Đám đệ tử của các vị ly khai Giáo hội lo lắng, nói với họ: -Tại sao các Tôn giả không dùng thần thông lực lấy cái bát kia? Họ đáp: Này Hiền hữu, việc này không khó gì đối với chúng ta. Song chúng ta nghĩ: "Ai lại muốn thị hiện thân thông cao quý vi diệu của mình trước người thế tục chỉ vì cái bình bát bằng gỗ nhỏ mọn kia chứ? Do thế, chúng ta không lấy nó xuống. Các Sa-môn dòng họ Thích-ca đã lấy nó xuống và thị hiện thần thông chỉ vì tham lam ngu xuẩn mà thôi. Đừng tưởn^ biến hóa thần thông là việc khó khăn gì với chúng ta đâu. Giả sử ta đừng kể đên các đệ tử của Sa-môn Gotama, nếu chúng ta muốn, chúng ta sẽ biến hóa thần thông với chính Sa-môn Gotama nữa kia. Nếu Sa-môn Gotama thị hiện một phép thần thông thì chúng ta sẽ thị hiện một phép khác kỳ diệu gấp hai lần." Tăng chúng nghe chuyện này liền thưa với đức Thế Tôn:

Bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ly khai Giáo hội nói họ muốn thị hiện thần thông lực. Bậc Đạo sư bảo: Cứ để họ làm đi, Ta cũng sẽ làm việc ấy. Vua Bimbisãra (Tần-bà-sa-la) nghe vậy, đi đến hỏi đức Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, Ngài định thị hiện thần thông lực chăng? -Thưa Đại vương, phải. -Bạch Thế Tôn, chẳng phải là có lệnh cấm về vấn đề này rồi sao? -Thưa Đại vương, lệnh ấy dành cho các đệ tử của Ta chứ không có lệnh nào có thể ngăn cản chư Phật. Cũng như hoa quả trong vườn ngự uyển là của cấm đối với kẻ khác chứ không hề áp dụng luật này đối với Đại vương. Bạch Thế Tôn, vậy Ngài sẽ thị hiện phép thần thông ở nơi đâu? -Tại Xá-ve, dưới một cây xoài có cục nu. -Vậy trẫm sẽ làm gì lúc đó? -Thưa Đại vương, chăng cần làm gì cả. Ngày kê đó, sau khi điêm tâm xong, bậc Đạo sư đi khất thực. Dân chúng hỏi: Bậc Đạo sư đi đâu thế? Các Tỷ-kheo đáp lại:

ơ công thành Xá-vệ5 dưới một gôc cây xoài có cục nu, Ngài sẽ thị hiện một phép thần thông Song hành11 để đánh bại những kẻ ly khai Giáo hội. , . ,. Đám người ây nói: Phép thần thông này sẽ là tuyệt tác nên chúng ta muốn đi xem. Sau khi rời nhà, dân chúng đi theo bậc Đạo sư và vài kẻ ly khai Giáo hội cũng đi theo Ngài cùng với nhóm đệ tử của họ. Họ nói: Chúng ta sẽ thị hiện một phép thần thông ở nơi mà Sa-môn Gotama sắp thị hiện phép thần thông của mình. Dần dần, bậc Đạo sư đi đến Xá-vệ. Vua hỏi Ngài: Bạch Thế Tôn, có đúng là Ngài sắp thị hiện thần thông lực như chúng đồn chăng? Ngài đáp: _ Quả đúng vậy. Vua hỏi: -Bạch Thế Tôn, khi nào? -Ngày thứ bảy kể từ dây, vào đúng rằm tháng sáu trăng tròn. -Bạch Thế Tôn, thế trẫm có cần dựng lên một ngôi đình chăng? Đại vương cứ an tâm, ở ngay nơi mà Ta sắp thị hiện thần thông, Thiên chủ Sakka sẽ dựng lên một ngôi đình băng châu ngọc có chu vi mười hai do-tuân. -Bạch Thê Tôn, trâm có cân loan báo việc này khăp kinh thành chăng? -Đại vương cứ loan báo. Vua liền đặt người thông tin Chánh pháp này trên một con voi được trang hoàng thật lộng lẫy, đi công bố như sau: Hãy nghe tin này! Bậc Đạo sư sắp thị hiện thần thông để đánh bại những kẻ ly khai Giáo hội trước cổng thành Xá-vệ, dưới gốc cây xoài có cục nu trong bảy ngày nữa kể từ ngày hôm nay. Cứ mỗi ngày họ lại báo tin này. Khi những người ly khai nghe tin rằng phép lạ sẽ được • thị hiện • dưới một • gôc câyụ xoài có cục • • chặt nu,7 họ• liên ra lệnh • hêt mọi • cây xoài gân thành Xá-vệ rôi đên tiên bạc cho các chủ vườn xoài. Vào đêm trăng tròn, người thông tin Chánh pháp ấy công bố: Hôm nay vào buổi sáng, phép thần kỳ sẽ xuất hiện. Nhờ oai lực của chư thiên, người người khăp cối Diêm-phù-đê dường như đều ra đứng ở cửa và nghe tin báo ấy. Bất cứ người nào trong lòng có ý muốn đi xem, đêu thây mình đên tại Xá-vệ. Dân chúng chiêm khoảng mười hai do-tuân.

11 Yamakạpãtỉhãrỉya. Yamaka (_,một đôi);pãtỉhãrỉya (,biến hóa thần thông): Phép thần thông biến hóa trển thân ra lửà, dưới thẩn ra nước và ngược lại.

Từ sáng sớm, bậc Đạo sư đi khất thực. Viên quan giữ ngự uyển tên là Ganda (Cục Nu), sắp đem đi dâng vua một trái xoài chín trông thật đẹp, lớn bằng cái giạ đựng lúa9 vừa

độ chín muôi thì ông thây bậc Đạo sư tại công thành liên nghĩ: Trái xoài này thật xứng đáng với bậc Đạo sư. Rôi ông dâng xoài lên Ngài. Bậc Đạo sư câm lây, ngôi xuông một bên công, dùng trái xoài. Khi đã thọ thực xong, Ngài bảo: Này Ãnanda, đưa cho người giữ vườn hột xoài này để trồng ngay chỗ này, nó sẽ thành cây xoài có cục nu. Tôn giả tuân lệnh. Người giữ vườn đào một lỗ dưới đất, trồng hạt xoài ấy. Trong chốc lát? hạt xoài nứt ra, rễ đâm ra và nhú lên một mầm đỏ cao bằng cái chày, ngay khi đám đông đang trô măt nhìn, nó lớn dân thành một cây xoài cao cả trăm cubit12 với thân cây cao năm mươi cubit, những cành lá cũng cao năm mươi cubit, cùng lúc hoa nở rộ? trái chín dần, cây vẫn đứng choáng rợp cả bầu trời, có đàn ong vây quanh, cành sai nặng trĩu quả vàng óng. Khi có làn gió thổi, trái ngọt rơi xuông, các Tỷ-kheo đên lượm lây xoài, ăn xong ra vê. Vào buôi chiều, Thiên chủ Sakka suy xét, nhận thấy mình có bổn phận dựng lên một ngôi đình gồm bảy báu vật, chu vi rộng mười hai do-tuần, che kín mọi nơi bằng hoa sen xanh. Như vậy, chư thiên của mười ngàn thế giới tụ tập tại đây. Sau khi đã thị hiện phép thần thông vô cùng kỳ diệu trước các đệ tử của Ngài để đánh bại những người ly khai Giáo hội, bậc Đạo sư làm phát khởi lòng tin trong các hội chúng xong, Ngài đứng lên, ngự trên bảo tòa dành cho đức Phật và thuyêt pháp. Hàng trăm triệu chúng sanh uông được nguôn nước trường sinh. Sau đó, Ngài nhận định để biết rõ chư Phật quá khứ đi về đâu sau khi đã thực hiện một phép thần thông và nhận thấy chính là về cõi trời Ba Mươi Ba, Ngài liền rời khỏi bảo tòa, chân phải Ngài đặt lên đỉnh Yugandhara, chân trái Ngài bước qua đỉnh Sineru (Tu-di), Ngài bắt đầu an cư vào mùa mưa dưới cây Pãricchattakamũle (San Hô), an tọa trên chiếc ngai hoàng thạch và suốt thời gian ba tháng, Ngài thuyết Thắng pháp (Abhidhammă) siêu phàm cho chư thiên. Dân chúng không biết bậc Đạo sư đi dâu, họ nhìn nhau bảo: "Thôi ta về nhà", và an trú tại nơi đó suôt ba tháng mùa mưa. Khi [mùa an cư gần chấm dứt] ngày đại lễ Tự tứ cận kề, Đại Trưởng lão Moggallãna đi thông báo với đức Thế Tôn. Ngài hỏi: -Sãriputta nay ở đâu? Bạch Thế Tôn, sau khi phép thần thông làm cho Tôn giả hoan hỷ, vị ấy đã ở lại cùng năm trăm vị Tỷ-kheo trong kinh thành Saốkassa và vẫn còn an trú tại đó. Này Moggallãna, vào ngày thứ bảy kể từ hôm nay, Ta sẽ xuống hạ giới

1 cubit = 45cm.

bằng Cổng thành Saỏkassa.13 Vậy kẻ nào muốn chiêm ngưỡng Như Lai hãy tụ tập tại thành Saỏkassa! Trưởng lão này đồng ý đi báo cho dân chúng hay. Tôn giả mang toàn thể hội chúng từ Xá-vệ đến Saỏkassa cách xa nhau cả ba mươi do-tuần chỉ trong chớp mắt. Khi mùa an cư trai giới qua rồi, đại lễ Tự tứ đã được cử hành xong, bậc Đạo sư bảo Thiên chủ Sakka rằng Ngài sắp trở về cối nhân thế. Sau đó, Thiên chủ cho triệu thần xây dựng Vissakamma vào và bảo: -Hãy làm một cầu thang để đấng Thập Lực bước xuống cõi trần! Vị này đặt câu thang trên đỉnh Sineru, chân năm trên công thành Saỏkassa; ở giữa, vị ấy làm ba bậc thang liền nhau, một bậc bằng ngọc, một bậc bằng bạc và một bậc băng vàng, còn lan can và mái làm băng bảy báu vật. Sau khi bậc Đạo sư thị hiện thần thông để cứu độ cõi thế gian, Ngài bước xuông bậc thang chính giữa làm băng ngọc. Thiên chủ Sakka câm chiêc bình bát và chiêc y, Suyãma câm cái quạt

băng đuôi trâu rừng (yak), Phạm thiên chủ mang chiếc lọng và chư thiên trong mười ngàn thế giới đồng chiêm bái Ngài với các vòng hoa trời và các hương liệu. Khi bậc Đạo sư đã đứng ở chân cầu thang, vị Đệ nhất Trưởng lão Sãriputta đảnh lễ Ngài, sau đó là toàn thể hội chúng. Ở giữa hội chúng này, bậc Đạo sư suy nghĩ: uMoggallãna đã chứng tỏ đầy đủ thần thông lực, upãli là người tinh thông giới luật của bậc Thánh, song đặc tính đại trí tuệ của Sãriputta lại chưa được dịp tỏ bày. Trừ một mình Ta, chăng ai đạt trí tuệ đây đủ trọn vẹn như vậy nên Ta muôn tỏ bày năng lực trí tuệ của vị này cho hội chúng biêt r6." Trước tiên, Ngài đặt câu hỏi thông thường cho những người phàm phu không biết gì cả. Cùng cách ấy, Ngài lần lượt đặt câu hỏi vừa tầm hiểu biết của những vị Nhất lai5 Bất lai và các vị A-la-hán, các vị Thánh đệ tử trong từng trường hợp; những vị nào dưới cấp bậc ấy lần lượt không trả lời được, chỉ những vị ở trên cấp bậc ấy mới có thể trả lời. Sau đó, Ngài đặt câu hỏi trong khả năng hiểu biết của Tôn giả Sãriputta thì chỉ Trưởng lão này trả lời được, còn các vị khác không thể. Dân chúng hỏi nhau: Vị Trưởng lão trả lời bậc Đạo sư là ai thế? Họ được bảo đó là vị Tướng quân Chánh pháp tên gọi Sãriputta. Họ bảo nhau: Ôi9 trí tuệ của ngài thật cao cả thay! Từ đó vê sau, đặc tính đại trí tuệ của Trưởng lão này vang dội khăp chư thiên và loài người. Lúc ấy, bậc Đạo sư nói với vị này:

13 Sankassa (S. Sãnkãsya,Tang-già-sa; cổ dịch âm:Tăng-già-thi,Tăng-ca-thi,,Tăng-kha-xa), một thị tứ cách thành Sãvatthir(Xá-vệ) 30 do-tuân. Đây là nơi ghi nhận bước chân của đức Phật chạm trên mặt đất, sau khi Ngài thuyết Vi diệu pháp (Abhỉdhammà) ở cõi trời Tam Thập Tam (Tãvatimsa) trở về. Tham khảo: DhA. III. 224; SnA. II. 570; Vìsm. 391.

Người này thử thách phải đi qua, Kẻ khác đạt rồi mục đích xa, Tư cách khác nhau đều hiển lộ, Vì ông biết rõ hết kia mà. Như vậy, sau khi hỏi một câu thuộc phạm vi hiêu biêt của một vị Phật, Ngài hỏi thêm: Đây là vấn đề được đặt ra tổng quát sơ lược, còn đâu là ý nghĩa của vấn đề trong mọi phương diện? Vị Trưởng lão xem xét vấn đề. Vị ấy suy nghĩ: "Bậc Đạo sư hỏi về đường lối tu tập thích hợp cho Tăng chúng tinh tấn tăng trưởng, gồm cả những người mới đạt được những quả vị thấp lẫn những bậc Thánh A-la-hán đó chang?99 về vấn đề tổng quát, Tôn giả này không có điều gì nghi hoặc. Nhimg rồi Tôn giả suy xét: "Đường lối tu tập thh hợp có thể được diễn tả bằng nhiều cách nói theo ngũ uẩn trong mỗi vị hữu tình, khởi đầu là như vậy, song bây giờ làm sao ta có thể đáp đúng ý nghĩa của bậc Đạo su?" Tôn giả hoài nghi về ý nghĩa ấy. Bậc Đạo sư nghĩ thầm: "Sãriputta không hoài nghi gì về vấn đề tổng quát, song còn nghi hoặc vê khía cạnh đặc biệt của vân đê mà Ta đang xem xét. Nêu Ta không đưa ra lời gợi ý hướng dẫn thì ông ấy không thể nào giải đáp được. Vậy Ta phải gợi ý cho ông ấy." Rồi Ngài đưa lời gợi ý bằng cách hỏi: -Này Sãriputta, ông có chập nhận điêu này là đúng chăng? [Ngài nói một vấn đề nào đó]. Tôn giả Sãriputta chấp nhận vấn đề ấy. Gợi ý như vậy xong, Ngài biết Tôn giả Sãriputta đã nắm vững ý nghĩa và sẽ giải đáp đây đủ bắt đâu từ ngũ uân trong môi vị hữu tình. Sau đó, vân đê hiện ra rõ ràng trước mắt vị Trưởng lão như có cả trăm ngàn lời gợi ý. Ồ không! Cả ngàn lời nữa, và theo lời hướng

dẫn của đức Phật, Tôn giả giải đáp vấn đề kia thuộc về tri kiến Phật. Bậc Đạo sư thuyết pháp cho cả hội chúng khắp cả mười hai do-tuần. Ba trăm triệu vị hữu tình uông được nguôn nước trường sinh. Khi hội chúng ra vê, bậc Đạo sư lại du hành khất thực, dần dần đến Xá-vệ. Ngày hôm sau, khi đã khất thực tại Xá-vệ xong, Ngài trở vê và dạy bảo các Tỷ-kheo giữ phận sự của mình rôi bước vào hương phòng. Vào buôi tôi, các Tỷ-kheo bàn luận đên đức tính cao cả của Trưởng lão Sãriputta trong lúc Tăng chúng ngồi tại pháp đường: Này các Hiền giả, Tôn giả Sãriputta thật là bậc đại trí tuệ, Tôn giả có trí tuệ quảng bác, trí tuệ mẫn tiệp, trí tuệ tinh xảo9 trí tuệ lanh lợi. Bậc Đạo sư đặt câu hỏi tổng quát, Tôn giả đã trả lời thật đầy đủ sâu rộng. Bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang bàn luận gì trong lúc ngồi đó. Các vị trình với Ngài, Ngài bảo: -Này các Tỷ-kheo? đây không phải là lần đầu vị ấy trả lời rộng rãi một vấn đề được nêu tổng quát mà ngày xưa cũng đã làm như vậy.

CHUYỆN TIỀN THÂN 219

Và Ngài kể câu chuyện quá khứ. *** Một thời, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, Bồ-tát được sinh làm một con nai sông trong rừng. Bây giờ, vua thích săn băn, và vua lại là một người đây uy lực, ngài cho rằng không có ai xứng danh con người cả. Một ngày kia, lúc ngài đi săn, ngài bảo các cận thân: Hê ai đê thoát một con nai vì mình thì sẽ bị trừng phạt như vây, như vây... Bọn họ suy nghĩ: "Người ta có thể đứng trong nhà mà không tìm thấy vựa lúa. Khi một con nai bị vây bắt bằng cái móc hay gậy cong, ta phải lùa nó đến nơi đức vua dứng.” Bọn họ liền giao ước với nhau để thực hiện điều này và sắp đặt vua đứng ở cuôi đường. Sau đó, họ vây quanh một hang lớn và băt đâu lây dùi cui, gậy gộc đập lên mặt đất. Con vật đầu tiên bị vây bắt chính là nai vàng. Ba lần nai nhìn quanh bụi cây tìm cơ hội trốn thoát. Nai thấy khắp nơi người ta đứng chật ních chen tay, cung kề cung, chỉ có nơi vua đứng là nai thấy may ra còn có dịp. Với đôi mắt chiếu sáng lòa, nai vụt đến phía vua làm chói mắt vua như thể tung cát bụi vào đôi măt ây. Lập tức vua thây nai, băn tên ngay và hụt mât. Ta phải biêt răng loài nai rât thông minh, tránh được các mũi tên. Khi các mũi tên vụt thẳng vào chúng, chúng đứng yên để tên bay đi; nếu tên vụt tới phía sau, nai sẽ vụt chạy nhanh hơn; nếu tên bay xuống từ phía trên chúng cong lưng lại; nếu từ phía sườn, nai nghiêng mình một tí; nếu tên nhắm vào bụng, nai lăn một vòng; khi tên đã lướt qua rồi thì nai vụt nhanh như gió cuốn mây bay. Vì vậy, khi vua thấy nai lăn qua, tưởng nai đã bị thương liền kêu lên một tiếng "6 này!" Nai vùng đứng dậy, vụt nhanh như gió, phá được vòng vây của đám người kia. Các triều thần ở cả hai phía nhìn thấy con nai chạy thoát liền tụ tập lại với nhau và hỏi: - Nai tiến về chỗ của ai thế? Chỗ của Chúa thượng. Song Chúa thượng đã la lớn: "Ta bắn được nai rồi55 kia mà! -Vậy Chúa thượng bắn được cái gì? Tôi dám chắc với quý vị, Chúa thượng bắn hụt roi! Chúa thuOTig bắn mặt đất đấy! Như vậy, hội chúng chế nhạo vua không ngớt. Vua nghĩ thầm: "Bọn này đang chế nhạo ta, chúng không biết sợ ta." Rồi khi nai nịt thắt lưng, vua đi bộ9 cầm kiếm trong tay, vừa đi thật nhanh vừa la to: - Ta sẽ đi bắt nai! Vua nhìn sát theo nai và đuổi nai chừng ba do-tuần. Nai tiến sâu vào rừng, vua cũng tiên theo. Lúc bây giờ, trên đường nai đi có một cái hô thật lớn với một cây đã mục nát sâu chừng sáu mươi cubit đầy nước lên đến ba mươi cubit,

đám cỏ dại mọc che phía trên. Nai ngửi được mùi nước? thấy đó là cái hố nên nghiêng mình qua một bên tránh đường. Song vua cứ đi thẳng lên nên ngã vào hố. Nai không còn nghe tiếng chân vua nữa liền quay lại. Thấy không có ai, nai biêt là vua hăn đã rơi xuông hô. Vì thê, nai đên gân nhìn vào, thây vua trong tình cảnh nguy khốn, vùng vẫy trong nước sâu. Song nai không để lòng oán hận đối với việc ác mà vua đã làm? còn thương hại nghĩ thầm: "Không được để vua này chết trước mắt ta, ta sẽ cứu vua qua khỏi cơn hoạn nạn này.” Vừa đứng trên miệng hố, nai vừa kêu lớn: Đại vương đừng sợ, ta sẽ cứu thoát ngài khỏi cảnh hiểm nguy này. Rồi dùng hết sức lực5 sốt sắng thiết tha như thể cứu lấy đứa con yêu quý của mình, nai đỡ vua lên dôc đá, chính vua kia đã đuôi theo nai đê giêt hại đó. Nai kéo vua ra khỏi hố sâu sáu mươi cubit và nói lời an ủi vua rồi đặt vua lên limg mình mang vua ra khỏi rừng, đặt vua xuống không xa đám quân sĩ mấy. Sau đó5 nai thuyết giáo cho vua và an trú vua vào ngũ giới. Tuy nhiên, vua không thể rời Bồ-tát được mà bảo: Này lộc vương, xin hãy cùng ta đến Ba-la-nại vì ta muốn nhường ngôi cho ngài tại Ba-la-nại, một kinh thành trải rộng khắp mười hai do-tuần để ngài ngự trị toàn quốc độ ấy! Song ngài đáp: Thưa Đại vương, ta là thú vật, ta không muốn chiếm vương quốc nào cả. Nếu ngài có lòng thương mến ta, xin hãy giữ ngũ giới mà ta đã dạy ngài, rồi ngài dạy cho quân thân của ngài cũng giữ giới nữa! Cùng với lời khuyên này, ngài trở về rừng. Còn vua đến gặp quân sĩ và trong khi hồi tưởng những đức tính cao thượng của nai kia, mắt vua đẫm lệ. Vừa được đoàn binh sĩ hộ tống5 vua ngự khắp kinh thành trong hồi trống ban lệnh vang rền, truyền rao lời bố cáo này: Từ nay về sau, dân chúng toàn thành hãy giữ ngũ giới! Song vua không nói với ai về lòng nhân từ mà Bồ-tát đã ban cho ngài. Sau khi dùng xong các món cao lương mỹ vị? về buổi chiều tối, vua an nghỉ trên vương sàng lộng lẫy. Sáng sớm hôm sau, vua nhớ lại những đức tính cao thượng của Bô-tát? ngài liên trở dậy và ngôi chéo chân trên vương tọa, tâm tràn đầy hân hoan, ngài cất tiếng ca lên nguyện vọng của ngài qua sáu vần kệ: 134. Chỉ cần hy vọng hỡi người ơi, Bậc Trí sẽ không nản ở đời5 Vì bản thân ta nhìn thấy rõ, Muốn gì sẽ trở thành vầy thôi! 135. Chỉ cần hy vọng hỡi người oi, Bậc Trí sẽ không nản ở đời,

Vì bản thân ta nhìn thấy rõ, Vượt từ biển nước ta lên bờ. 136. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi, Bậc Trí sẽ không nản ở đời, Vì bản thân ta nhìn thấy rõ, Muốn gì sẽ trở thành vầy thôi! 137. Chỉ cần cố gắng hỡi người ơi, Bậc Trí sẽ không nản ở đời, Vì bản thân ta nhìn thấy rõ, Vượt từ biển nước ta lên bờ. 138. Bậc Trí nhân dù gặp đau thương, Cũng không tắt ước vọng an khương, Nhiều lần trải nghiệm lạc, không lạc, Khi chẳng suy tầm chịu mạng vong. 139. Có việc ta không nghĩ lại sanh, Việc ta nghĩ đến thì không thành, Những người nam, nữ được tài sản9 Chẳng phải do suy nghĩ đắc nhanh. Trong lúc vua đang ca khúc hát này, mặt trời cũng vừa lên. Còn vị tế sư của ngài cũng dậy sớm, vào vấn an sức khỏe của ngài. Lúc đang đứng ở cửa, vị này nghe tiếng ca ấy, nghĩ thầm: "H6m qua đức vua đi săn. Chắc ngài đã hụt mât con nai và khi bị quần thần chế nhạo, ngài phán rằng ngài sẽ đích thân đuổi bắt con mồi và giết đi. Sau đó, hẳn ngài săn đuổi

theo nai, vì bị lòne kiêu mạn của một chiến sĩ thúc đẩy nên bị rơi vào cái hố sâu sáu mươi cubit. Rồi nai có từ tâm chắc hẳn đã kéo ngài lên mà không hề có chút ý nghĩ gì đến tội ác của đức vua đôi với mình. Chăc vì thê nên đức vua hát lên khúc tụng ca này d2y." Như vậy, vị Bà-la-môn này nghe hêt lời ca của khúc hát kia và những việc gi đã xảy ra giữa vua với nai đêu rõ ràng như một khuôn mặt phản chiêu frong chiêc gương được lau chùi thật kỹ. Ông lấy đầu ngón tay gõ nhẹ lên cửa. Vua hỏi: -Ai đó? Tâu Đại vương, hạ thần là tế sư đây. Này Sư trưởng, cứ vào đi. Vua bảo rồi mở cửa. Vị ấy bước vào, tung hô vạn tuế đức vua và đứng sang một bên. Sau đó, ông thưa: Tâu Đại vương, hạ thân biêt những việc đã xảy ra với Đại vương ở trong rừng. Trong lúc đuổi theo con nai, Đại vương rớt vào hố và con nai dựa vào sườn đá bên hố mà kéo Đại vương lên. Vì vậy? Đại vương nhớ lại đặc tính cao cả của nai và hát một bài tụng ca. Rồi ông ngâm hai vần kệ:

140. Bên sườn non nọ có con nai, Trước đó là con thịt của ngài, Dũng cảm nai ban ngài cuộc sông5 Vì ly tham hận hết trong đời. 141. Khỏi hố đáng kinh, vuốt tử thần, Dựa vào tảng đá, bạn khi cần, Chúa nai cứu mạng nên ngài bảo, “Trí tuệ nai vàng vượt hận s2n." “0 kia!” Vua suy nghĩ khi nghe lời trên: "Người này không cùng đi săn với ta, tuy thế lại biết hết mọi sự. Làm sao lại biết được thế? Ta muốn hỏi vị ấy.” Và vua ngâm vân kệ thứ chín: 142. Đạo sĩ, hôm kia có mặt chăng? Hoặc r nghe từ một kẻ bàng nhân? Tâm màn tham dục ngài đã vén, Trí tuệ ngài làm trẫm hãi hùng! Song vị Bà-la-môn đáp: Hạ thân không phải là một vị Phật toàn tri đâu, hạ thân chỉ nghe lóm khúc tụng ca của Đại vương vừa hát đó thôi mà không bỏ sót ý nghĩa nên mọi việc trở nên rõ ràng trước mắt hạ thần. Đê giải thích điêu này, ông ngâm vân kệ thứ mười: 143. Tâu Đại vương! Việc ấy thần chẳng nghe, Không vào rừng để chứng kiến ngày kia, Song từ khúc kệ ngài ca êm dịu, Việc ra sao, Trí nhân đà thấu hiểu. Vua rất hoan hỷ nên ban thưởng ông một tặng phẩm quý giá. Từ đó về sau, vua chuyên tâm bô thí và làm các thiện sự, dân chúng cũng đem hết lòng làm thiện sự nên khi mạng chung được sinh lên cùng thiên chúng thật đông đảo. LÚC bây giờ, vua đi vào thượng uyên cùng với vị tê sư đê băn bia. Thời ây, Thiên chủ Sakka đang suy gẫm xem những tiên đồng n^ọc nữ kia mới từ đâu đến mà ngài thấy thật đông đảo chung quanh ngài như thê. Khi xét kỹ, ngài chợt hiểu toàn câu chuyện: Vua đã được nai cứu thoát khỏi cái hố như thế nào9 vua đã được an trú vào giới đức, nhờ uy lực của vua ra sao mà dân chúng đã làm nhiều thiện sự nên thiên giới trở thành đông đúc như thế, và nay vua lại vào ngự uyển để bắn một cái bia. Vì thế, Thiên chủ cũng đến nơi đó. Với giọng sư tử hống, ngài tuyên thuyết tính cao thượng của nai và bảo cho biết ngài chính là Thiên chủ Sakka rôi đứng vững trên không mà thuyêt pháp, nêu rõ công đức của lòng từ bi và ngũ giới xong, ngài trở vê. Bây giờ, vua dự định băn bia, giương chiêc cung và lắp mũi tên vào dây. Ngay lúc ấy, Thiên chủ Sakka dùng thần lực hóa hiện ra con nai đứng giữa vua và tấm bia, vua thấy vậy không bắn tên nữa. Lúc ây? Thiên chủ nhập vào thân của vị tê sư ngâm kệ này cho vua nghe:

144. Tên ngài giết lắm vật oai hùng,
Sao lại câm tên lặng giữa cung?
Hãy bắn tên bay vào lộc ấy,
Đó là ngự thiện, tấu Minh vương!
Vua đáp lại qua vần kệ:
145. Tê sư, trâm thâu suôt hơn ngài,
Trẫm biết dâng vua chính thịt nai,
Song trẫm nhớ ơn đà cứu giiip,
Trẫm dừng tay chẳng hại đời ai.
Sau đó, Thiên chủ Sakka ngâm đôi vần kệ:
146. Chẳng phải là nai, tấu Đại vương,
Mà đây là một tu-la thần,
Ngài là chúa tể nơi trần th&
Giết nó, ngài lên đấng Ngọc hoàng!
147. Nêu ngài do dự, tâu Anh quân,
Khi giết nai vì chính bạn thân,
Sẽ vào sông lạnh Diêm vương phủ,
Cùng vợ con ngài xuống cõi âm.
Nghe thê, vua liên ngâm hai vân kệ:
148. Cứ vậy Diêm vương với tử hà?
Đưa ta đên đủ cả toàn gia,
Cùng thân bằng nữa, ta không thể,
Tự giết nai bằng tay của ta.
149. Đầy rẫy rừng sâu nỗi hãi hùng,
Chính nai đã cứu khỏi tai ương,
Sao ta muốn vị ban ân chết,
Sau việc thi ân ấy đã mang?
LÚC ây, Thiên chủ Sakka xuât ra khỏi thân của vị tê sư, hiện đúng hình dáng của ngài và đứng vững trên không, ngâm hai vần kệ nêu rõ đức tính cao thượng của vua:
150. Thiện hữu muôn năm ở cõi trần,
Dạy đời lương thiện, lý toàn chân,
Rồi thiên nữ sẽ theo hầu hạ9
Ngài chính Inda14 giữa các thần.
151. Thoát dục tâm mình mãi trú an,
Khi nhiều người lạ đến kêu van,
14 p. Inda; s. Indra;(Nhân-đà-la),(Đế-thích),(Thi©n chủ), chỉ cho Thiên chủ Đế-thích (Sakka), vua của chư thiên. Tham khảo: D. I. 85; II. 261; III. 197f; A. V. 325.

Hãy cho chúng những gì cân thiêt,

Vì Đại vương đầy đủ khả năng?
Hãy sống phân minh không phạm lỗi,
Ngày sau thiên giới sẽ dành phần.
Nói vậy xong, Thiên chủ tiếp tục như sau:
-Ta đến đây để thử ngài, này Đại vương, và ngài đã không đồng ý với ta.
Ta xin ngài hãy gắng tinh cần mãi!
Cùng với lời khuyên này, ngài trở về cõi của mình.
***
Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại, Ngài bảo:
- Này các Tỷ-kheo, đây không phải lần đầu tiên Sāriputta hiểu đầy đủ những điều được nói tổng quát mà ngày xưa cũng vậy.
Rồi Ngài nhận diện tiền thân:
-Vào thời ấy, Ānanda (A-nan) là vua, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vị tế sư và
Ta chính là nai chúa.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.